

Mai-Đình mông-ký / Nguyên  
Huy Hô ; Hoàng Xuân Han  
biên tập và trích dân ;  
Nghiêm Toãn chú thích...

Nguyễn, Huy Hô. Auteur du texte. Mai-Đình mông-ký / Nguyễn Huy Hô ; Hoàng Xuân Han biên tập và trích dân ; Nghiệm Toān chú thích.... 1951.

**1/** Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

**2/** Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

**3/** Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

**4/** Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

**5/** Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

**6/** L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

**7/** Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter [utilisation.commerciale@bnf.fr](mailto:utilisation.commerciale@bnf.fr).

16°  
Indoch  
N° 90

UNION DE LA REGIE DU DEPT LEGAL  
F 299

NGUYỄN HUY-HỒ

# MAI-ĐÌNH MỘNG-KY

HOÀNG XUÂN-HÂN

*Biên-lập và trích dẫn*

NGHIÊM TOÀN

*Chủ-thích*

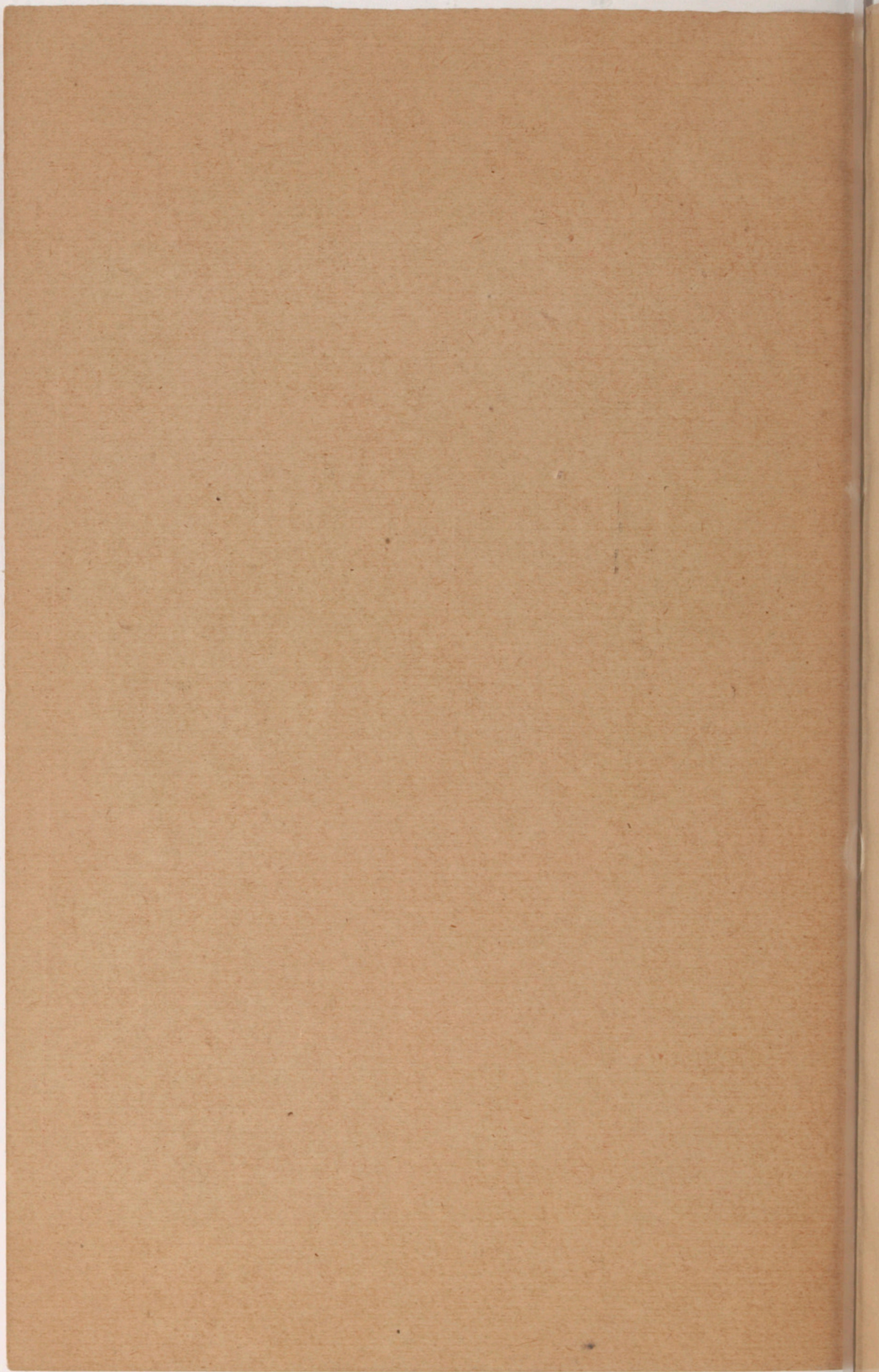
CHƯƠNG-TRÌNH TRUNG-HỌC

L O A I V Ắ N C Ồ

SÔNG NHỊ

HÀ-NỘI

790



# MAI-ĐÌNH MỘNG-KÝ

**Nền bìa**

*Là bìa lãng Lê Lợi, Nguyễn Trãi soạn năm 1433.*

## Loại Văn Cổ

Quốc-văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần còn lưu-truyền được đến nay. Phần còn lưu-truyền hay bị người sau làm sai-suyễn, tác-giả và gốc-tích có khi không tương; những chỗ khó hay nghi-ngờ lại không được giải-thích.

Mục-đích từng-san này là tìm cách bổ-cứu những khuyết-điểm ấy.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

NGUYỄN HUY-HỒ

# MAI-ĐÌNH MỘNG-KÝ

HOÀNG XUÂN-HÂN

*Biên-lập và trích dẫn*

NGHIÊM TOẢN

*Chủ - thích*

CHƯƠNG-TRÌNH TRUNG-HỌC



---

L O A I V Ắ N C Ồ

---

SÔNG NHỊ

HÀ-NỘI

160 Indoch.  
790

ON THE MOUNTAINS

THE MOUNTAINS OF KY

THE MOUNTAINS

THE MOUNTAINS

THE MOUNTAINS

THE MOUNTAINS OF KY

THE MOUNTAINS

THE MOUNTAINS

## MỤC - LỤC

	Trang
PHẠM LỆ . . . . .	9

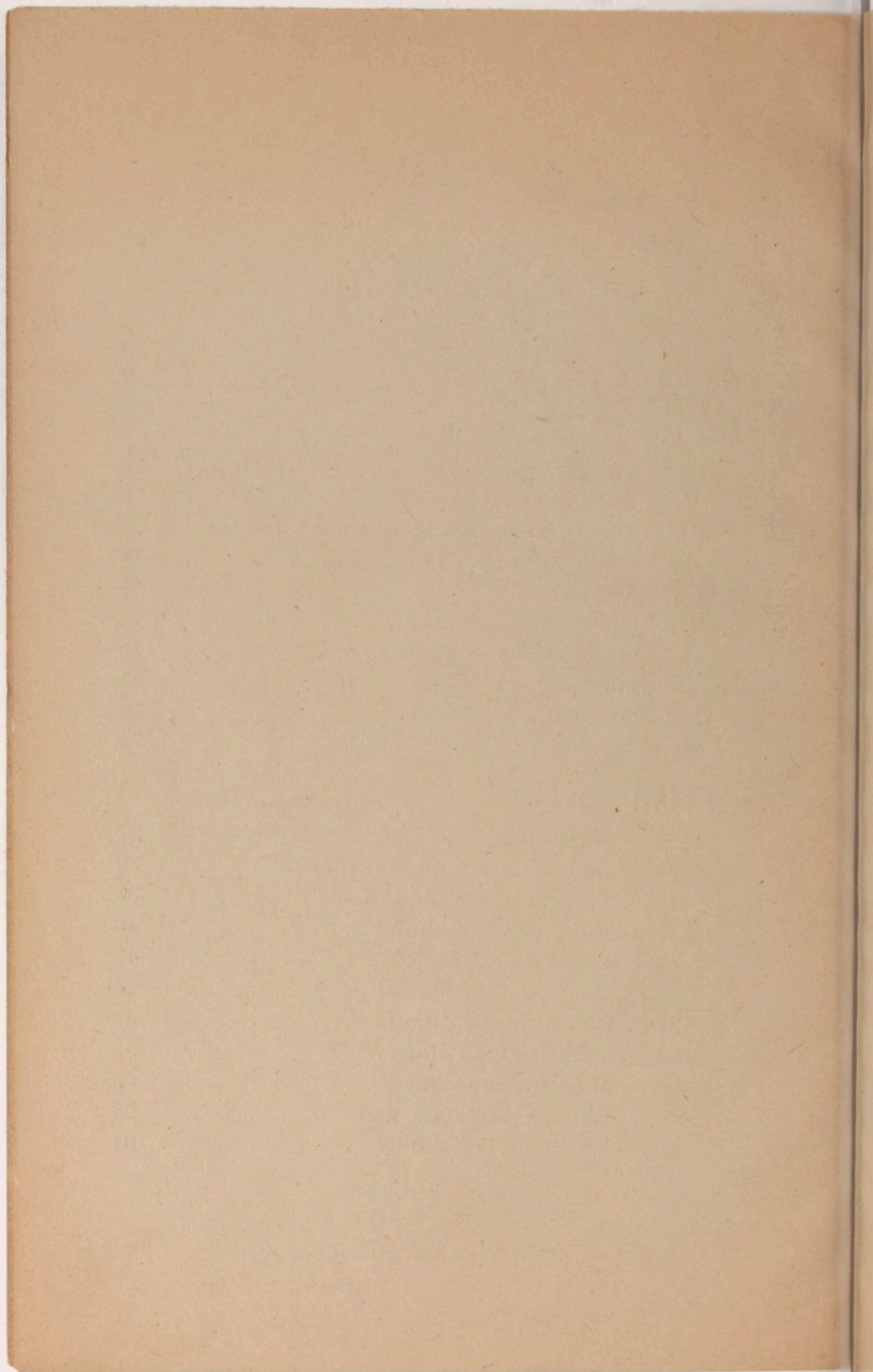
### LỜI DÀN

I. — Tác giả Nguyễn Huy-Hồ : 1783-1841 . . . . .	11
II. — Cốt chuyện . . . . .	12
III. — Giá trị văn chương và ngụ ý của tác giả. . . . .	13
IV. — Kết-luận . . . . .	15
Bảng thế-hệ hai họ Nguyễn. . . . .	16
Mai-đình mộng-ký — Tự. . . . .	18
Mai-đình mộng-ký — Tự (Dịch nghĩa). . . . .	21
Mai-đình mộng thi . . . . .	24
Mai-đình mộng thi (Dịch nghĩa) . . . . .	25

### MAI-ĐÌNH MỘNG-KÝ

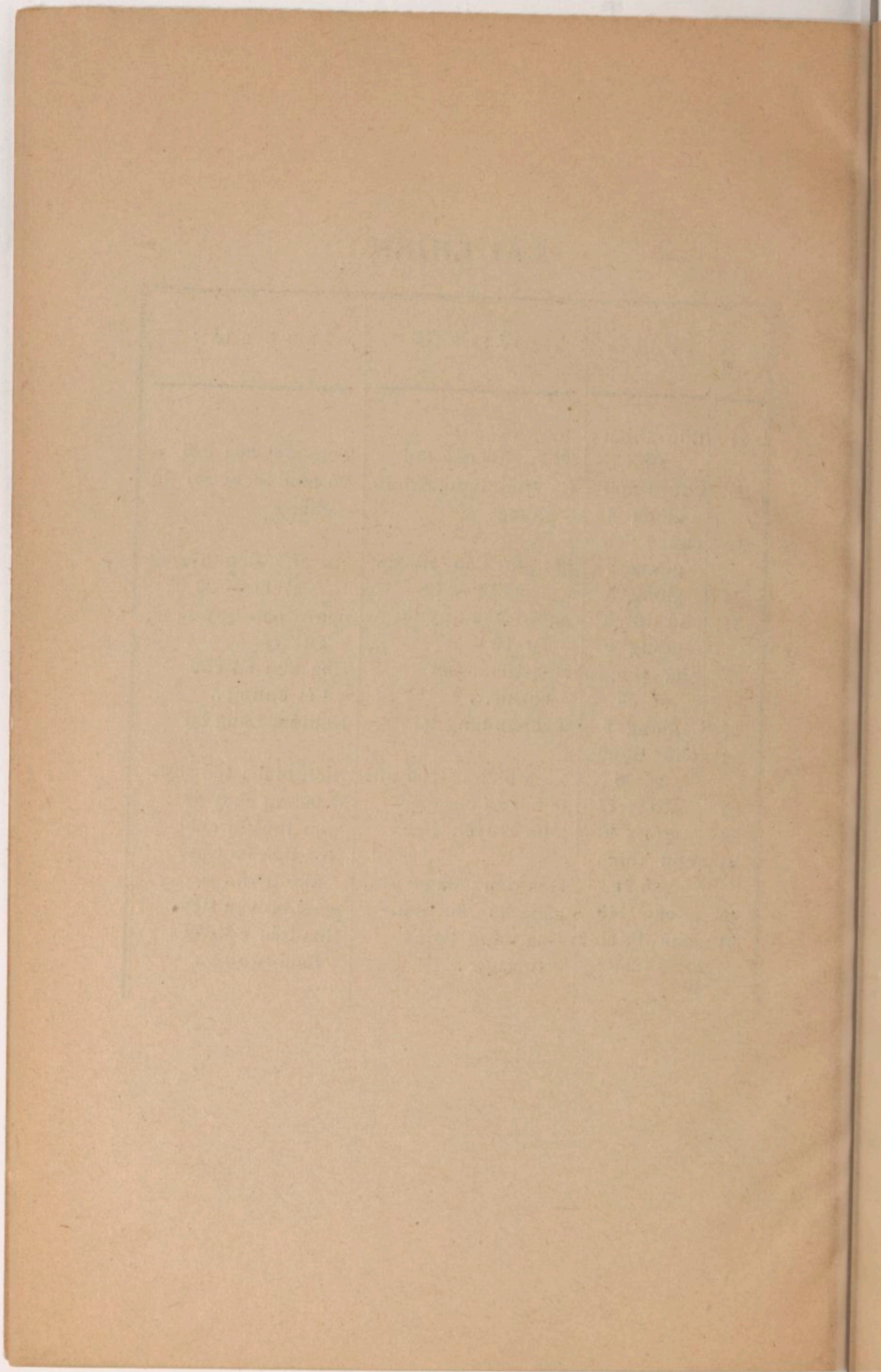
I. — Nhập đề. . . . .	27
II. — Cuộc xem đèn ở Phù-thạch. . . . .	29
III. — Thuyền ngược dòng sông Lam. . . . .	33
IV. — Mộng đến Mai-đình . . . . .	40
V. — Thiếu nữ đề thơ . . . . .	42
VI. — Họa thơ thưởng-mai. . . . .	44
VII. — Đạo bước tìm người . . . . .	49
VIII. — Trao thư cho Hoàn. . . . .	50
IX. — Mời vào hầu chuyện . . . . .	53
X. — Khuyên lập công danh . . . . .	55
XI. — Tỉnh dậy tay không. . . . .	61





## CẢI CHÍNH

SỐ TRANG	SỐ GIÒNG	CHỮ IN NHẦM	XIN ĐỌC LÀ :
21	Chú-thích : số 3	Thay đời của đời	Thay đời của đời
26	chú thích : giòng 8	Có phải là người đó chăng	Có phải là người đó chăng
32	chú thích : giòng 8	bài phú Cáo - đường	bài phú Cao - đường
33	giòng 5	a) 19 — 12	a) 19 — 22
34	chú thích : giòng 9	người bạn quý là Từ-Tử	người bạn quý là Từ Trĩ
35	chú thích : số 58	Hoa-tiên : Lét chùng...	Hoa-tiên có câu : Lét chùng...
37	giòng 9	Nghiêm-tăng lại	Nghiêm Lăng lại
38	chú thích : số 78	Xích-bích : trên núi	Xích-bích : tên núi
39	giòng 17	ở bãi xa chạy về	ở bãi xa chạy về
39	giòng 19	xóm thuyền ch <sup>2</sup> .	xóm thuyền chài
41	chú thích : số 91	Hoa-tiên : Bầu trời...	Hoa-tiên có câu : Bầu trời...
45	câu 145	gắng bộ vận tiên.	gắng bộ vận tiên.
54	chú thích : số 207	Hoa tiên : Rèm tương. .	Hoa-tiên có câu : Rèm tương...



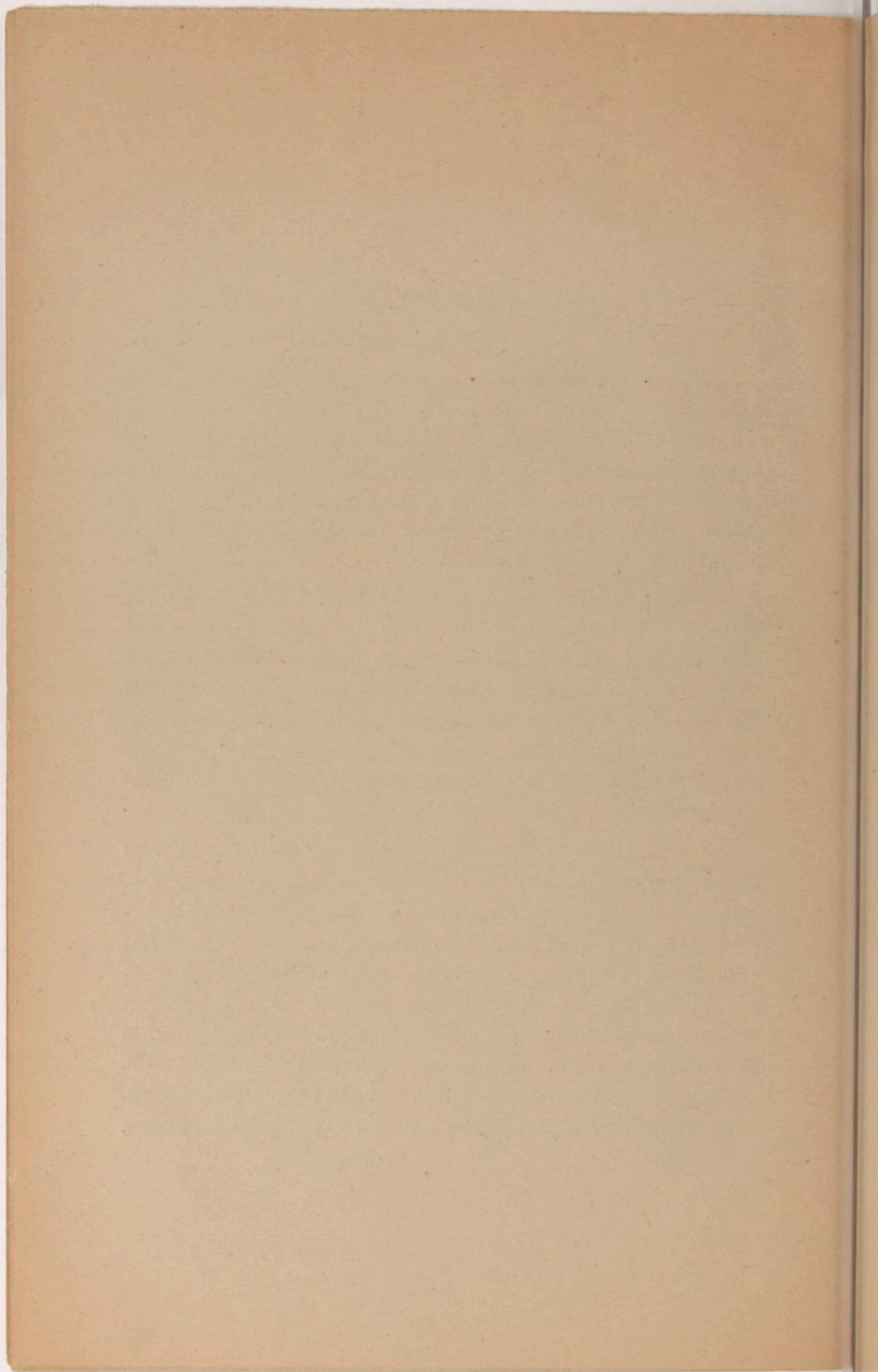
## PHẠM LỆ

---

1. — Cuốn sách này căn-cứ vào bài khảo-luận đề là « *Nguồn gốc văn Kiều (văn phái Hồng-sơn)* » đăng trong Thanh-nghị tuần-báo số 29-30-31 tháng Hai và số 32 tháng Ba, năm 1943 (Dương-lich), phần dẫn, hiệu-đỉnh cổ-văn và lược-chú đều của Hoàng Xuân-Hãn. Bản đăng ở báo Thanh-nghị có sai một vài chữ. Bản này đúng hơn. Vậy xin lấy bản này làm chính.

Chính-văn Mai-đình mộng-ký là theo ba bản nôm sao lại, mà sẽ gọi tắt là bản A,B,C. Ba bản ấy sao lại vào khoảng đời Tự-đức hay sau. Tuy không được cũ lắm, nhưng cũng không khác nhau mấy chữ. Vì không thể biết bản nào gần chính-bản hơn cả, nên không lấy bản nào làm căn-bản được. Hễ lúc nào có chữ khác nhau thì chọn chữ hợp nghĩa, hợp tứ hơn và có chú-thích chữ khác ở bản nào có khác.

2. — Nhân vì Mai-đình mộng-ký được ghi vào chương-trình Quốc-văn bậc Chuyên-khoa Trung-học, nên ở đây chú-thích có phần kỹ hơn, nhất là về điển-cổ ; riêng trong ba đoạn đầu lại có cả lời bình và phân-tích đại-ý, để giúp đỡ các học-sinh. Vả lại Hán-học bị sao-nhãng đã lâu, số người dùng sách vở tra-cứu văn-liệu ngày một thưa dần, chúng tôi đã không ngại làm cho cuốn sách quá nặng-nề mà cắt nghĩa cả những chữ, những câu, đối với các cụ ngày xưa hết sức phổ-thông. Mục-đích là để người đọc, có tính tò-mò, khỏi mất công tìm kiếm.



## LỜI DẪN

### I. — TÁC GIẢ NGUYỄN HUY-HỒ : 1783 1841

Ông Nguyễn Huy-Hồ \*, tên tục là Nhậm, tự Cách-như \*, hiệu Liên-pha, người làng Trường-lưu \*, xã Lai-thạch, huyện La-sơn thuộc tỉnh Hà-tĩnh ngày nay. Ông là con thứ cụ Nguyễn Huy-Tự (1) với bà vợ kế Nguyễn-thị Đài, vậy ông là cháu nội cụ thám-hoa Oánh và cháu ngoại cụ tiến-sĩ Nguyễn Khán. Nguyễn Du là ông chú ngoại và ông Nguyễn Thiện (2) là cậu họ (theo tiếng xưng-hô vùng Nghệ-Tĩnh, xem bảng thế-hệ trang 16) Ông sinh năm Cảnh-hưng thứ 44 (1783) kém cụ Nguyễn Du 18 tuổi. Sinh ra trong hai gia-đình thám-hoa, tiến-sĩ (một thám-hoa, một hoàng-giáp, ba tiến-sĩ đồng thời), hai bên nội ngoại có ba vị thượng-thư, tả-tướng, ông đã sống trong đời vinh-hoa. Văn hay chữ tốt, đáng lẽ sẽ trở nên một tay khoa-bảng hơn người ; nhưng từ bé đến năm 20 tuổi, chỉ thấy triều-đình rối loạn, binh hỏa luôn luôn, giang-sơn đổi chủ đến ba lần, nên ông không chịu đi thi. Vả ông lấy cháu gái vua Cảnh-hưng, nên lòng hoài Lê lại càng mạnh. Anh ông là ông Nguyễn Huy-Phó đậu giải-nguyên triều Lê, nhưng cũng về ở ẩn ở vùng Thanh-xuyên xứ Hưng-hóa. Một anh nữa là Nguyễn Huy-Vinh hay chữ, nhưng không gặp thời, nên lên ẩn ở núi

\* 阮輝如 — 草如 — 長留

(1) Tác-giả truyện Hoa-tiên

(2) Người nhuận-sắc truyện Hoa-tiên.

Chung-sơn. Chính trong lúc đi thăm ông này mà ông có mộng.

Ông rất tinh-thông thiên-văn và địa-lý; đó cũng là tài đặc-biệt của họ Nguyễn Trường-lưu. Cụ Thám-hoa trước cũng đã giúp việc ở tòa Khâm-thiên-giám và đoán nhật-thực, nguyệt-thực một cách rất đúng. Lúc ông chừng 40 tuổi, vua Minh-mệnh triệu ông vào làm thuốc trong cung. Nhân ông chỉ-trích sự tinh sai của tòa Khâm-thiên-giám, và sau nghiệm ra lời ông nói đúng, nên vua ban chức Linh-đài-lang. Còn truyền rằng chính ông lấy kiểu đất lăng vua Minh-mệnh. (1).

Ông mất năm Thiệu-trị nguyên-niên, 141, hưởng thọ 59 tuổi.

## II. — CỐT CHUYỆN

Mai-đình mộng-ký là một thiên ghi lại giấc mộng của tác giả Nguyễn Huy-Hồ :

Ngày xuân năm kỷ-tị 1809, ông thăm anh dạy học ở huyện Nam-đường. Đi qua bến Phù-thạch là một thắng-địa nhất ở Nghệ-An, ông ở lại xem hội thả đèn. Gặp trời mưa, người quen thuê đò để ông ngược giòng sông Lam. Cảnh-trí rất là ngoạn mục. Bảo trẻ đem rượu rót uống, uống rồi ngủ say. Bèn mộng thấy đến một chỗ lâu-đài cung điện rất đẹp, vườn đầy cây-cối, có tùng, có mai. Trong một cái đình tên là Thượng mai-đình, một cô con gái vừa viết thơ xong và dán thơ lên vách. Thấy động bóng

(1) Theo lời ông Nguyễn Huy-Chương là người dòng-dõi họ Nguyễn Trường lưu

người, cô rẽ vào nhà trong rồi biến mất. Ông ngần-ngơ đi tới đình, thấy bài thơ vịnh hoa Mai. Ông bèn họa lại rồi bỏ hai bài thơ vào một ống thơ. Nhìn vào phía trong thấy có lâu đài, ông đánh liều đi vào xem

Có một người hầu gái chạy ra hỏi. Ông trả lời rằng có ai bỏ quên thơ ở đình. Người hầu giật lấy thơ, chạy vào trong. Ông còn đứng thơ-thần thì con hầu ra nói bà chủ cho mời vào chơi.

Ông vào thấy trong nhà lộng lẫy. Một bà phu-nhân hỏi ông quê quán ở đâu và vì sao biết chốn này mà tới. Ông trả lời rằng ông con nhà dòng-dõi, nhưng nay phong-trần; nhân đạo chơi, nên lạc lối tới đây. Bà bảo: «Chồng ta và cha ta cũng làm quan tiền-triều, nhưng vì binh-đao, loạn-lạc, thời-thế đổi thay, nên cáo quan về ẩn-dật ở đây và nay đã mất hơn mười năm rồi. Ta còn bận chút con thơ, cho nên lánh ở chỗ tịch-mịch này. Người tự nhiên đến đây, đó là trời xui khiến, và xem chuyện họa thơ thì có nợ tình-duyên. Nhưng người nên trở về lập, công-danh, lúc nào đậu-đạt rồi sẽ trở lại đây. Đã là tiền-duyên tức-trái, người chớ có lo ngại gì. »

Ông lui ra, sực tỉnh dậy. Trong lòng bần-hoàn ngỡ-ngần. Tiếc duyên tình-cờ trong mộng, ông suy-nghĩ đến hai chữ *giác*, chữ *mê*.

### III. — GIÁ-TRỊ VĂN-CHƯƠNG VÀ NGỤ-Y CỦA TÁC-GIẢ

Thiên mộng-ký này là một áng văn-chương tuyệt-diệu, không lời nào non, vần nào ép; tuy dùng nhiều chữ, song so với Cung-oán, Hoa-tiên và cả Kiều nữa,

phần chữ cũng không quá đáng. Phần nhiều tiếng dùng trong Kiều, bây giờ đọc quen, nên ta không để ý đến nữa; chứ nếu để ý thì ta sẽ thấy cũng khó nghĩa như những chữ dùng ở đây.

Tác-giả đặt những câu với chữ rất thường mà ý tứ dồi-dào, lời lẽ ly-kỳ bóng-bẩy, lưu-loát, nhất là đoạn cuối bài ca (câu 281-296).

Ông lại có tài tả cảnh kỹ-càng một cách đặc-biệt, như trong hai đoạn : « cảnh chiều hôm ở Phù-Thạch, câu 19-30 » và « phong-cảnh khi ngược giòng sông Lam, câu 57-74. »

Về nội-dung, mộng Mai-dình có thực không? Có lẽ mộng có thực, nhưng chuyện tình-duyên đây là chuyện mượn. Hồi đầu nhà Nguyễn, con cháu các cựu-thần Lê đều giữ lòng « nhớ Lê ». Trong nhóm công-tử công-tôn hai làng Tiên-diên và Trường-lưu, đã có nhiều người lánh-lẩn để khỏi phải làm quan và đã tỏ lòng mình trong những thi-ca. Ông Nguyễn Hành đã có tập Minh-quyên. Cụ Nguyễn Du có tập Đoạn-trường tân-thanh. Bài Mai-dình mộng-ký này cũng cùng một ý ấy. Chỉ xem qua, ta đủ thấy nhiều câu thổ-lộ tâm-tình (câu 231-246). Và lại đối với các cụ nhà Nho xưa, mộng người con gái đẹp là mộng thánh-nhân : « Vọng mỹ-nhân hề ! tây nhất phương ». (1) Nguyễn Huy-Hồ ngược lên phương Tây mà có mộng mỹ-nhân, chính là ngụ ý ấy.

(1) « Ngóng trông người đẹp chừ ! phía trời Tây ». Người đẹp trở vua (Sở-từ : Vọng mỹ nhân hề ! vị lai : ngóng trông người đẹp chừ ! chưa lại) hay trở hiền nhân, quân tử (Kinh Thi : Vân thù chi tư ? Tây phương mỹ nhân = Nói : nhớ ai ? người đẹp ở phương Tây.)

#### IV. KẾT-LUẬN

Bên cạnh Hoa-tiên và Đoàn-trường tân-thanh còn có Mai-đình mộng-ký, văn y như văn Hoa-tiên và văn Kiêu. Vậy thì ta thấy sự liên lạc giữa ba tập văn này : « Nguyễn Huy-Hồ, tác-giả Mai-đình mộng-ký chắc đã thuộc lòng Hoa-tiên và Đoàn-trường tân-thanh trước lúc làm bài ký ấy (1), cũng như Nguyễn Du đã thuộc lòng Hoa-tiên khi làm tập Đoàn-trường tân-thanh »

Vả lại Nguyễn-Du, lúc thiếu-thời, rất hay giao-du với văn-sĩ Trường-lưu : ảnh-hưởng của sự giao-du ấy rất lớn. Nay ta đọc Mai-đình mộng-ký ta thấy từ cách dùng chữ đến cách đặt câu đều giống như trong Hoa-tiên và Kiêu, ta phải coi ba áng văn ấy là của một phái, một nhà, truyền từ người nọ đến người kia, của « *Hồng-son văn-phái* ».

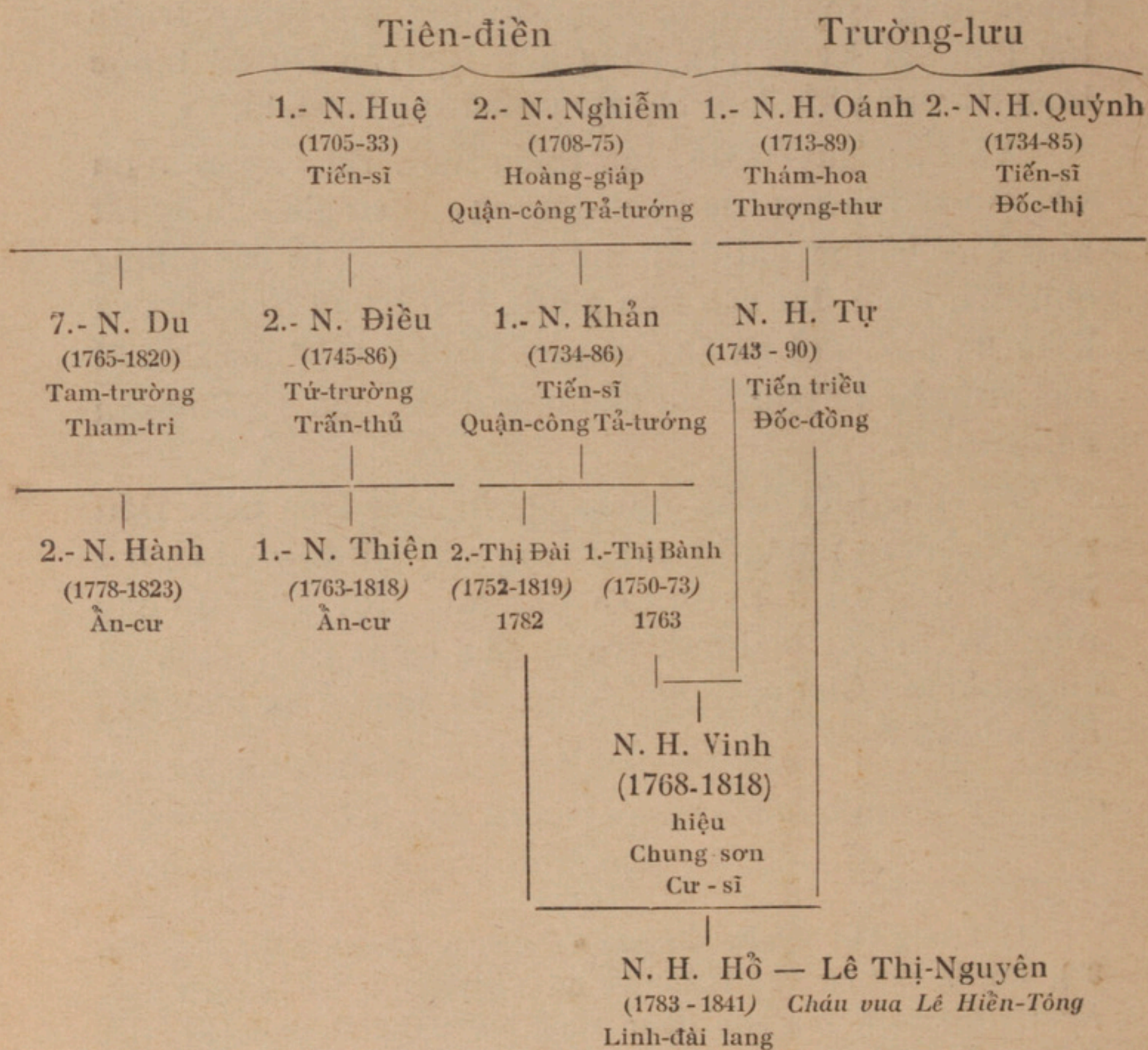
Ai cũng biết Kiêu, nhiều người biết Hoa-tiên. Đến như Mai-đình mộng-ký thì không mấy ai được đọc, trừ một số ít người ở La-son và Can-lộc. Một áng văn hay như vậy mà bị mai-một trong gần trăm rưỡi năm, kể cũng hơi lạ ! Chúng ta há không nên sửa lại sự bất-công ấy hay sao ?

---

(1) Trong bài *Nguồn-gốc văn Kiêu* (Báo Thanh-nghị số 29-30-31), tôi đã căn-cứ vào thân-sử cụ Nguyễn Du trong sách *Lai-Nam liệt-truyện* mà tạm nhận rằng bài Mai-đình mộng-ký viết trước quyển Đoàn-trường tân-thanh. Nhưng nay tôi đã tìm thấy chứng khá chắc-chắn tỏ rằng tập sau đã viết trước tập trước. Hãy xem sách *Hồng-son Văn-phái* của tôi. (H.x.Hãn)

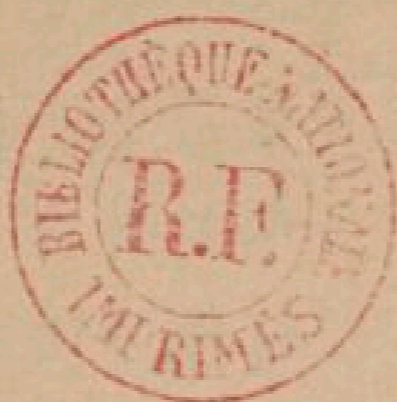
## BẢNG THẾ-HỆ HAI HỌ NGUYỄN

(Mỗi người thường có nhiều tên, đây chỉ lấy tên quen)



MAI - ĐÌNH MỘNG - KÝ

梅 亭 夢 記



# 序

余聞之有大覺者方有大夢微哉言乎微哉言乎

夫大而天地之終始小而人物之生死遠而古今之世變夢之覺也夫如是則所謂夢幻者塵芥者逆旅者行客者斯人也可與言夢也已矣

梅亭(夢)記記事也夢之小者也小小夢必有小小覺余嘗謂衆人夢也至人覺也噫庸詎知吾之所謂夢者爲非夢耶庸詎知吾之所謂非夢者爲夢耶

此梅亭之記所以作也

己巳春人日後余有南塘之遊慶吾兄鐘山學舍成也途阻以雨旅于浮石庸之誼眷眷爲之命舟焉

日將夕溯流西上清風徐來太空無雲明月在天命童子舉酒相囑春山之曠暖春水之陸離春光春色之宜人

惟知夫春遊之樂爲可醉曾不覺夫醉而有翻翻然之睡睡而有翻翻然蘧蘧然之夢者耶其來也若無其去也若虛殆與風來疎竹雁渡寒潭同是一般無限理趣梅亭之娘子神思飄然書閣之夫人詞氣凜然若乃艷如桃李堅如松柏濃如醇醪淡如霜雪千態萬狀非筆札所能盡畫余亦不覺其神怪之如(若)斯

吁嗟乎方其浮石觀燈時初不知其有水月之遊之時又焉知其有梅亭之夢

其夢也耶其非夢也耶惟大覺者其正諸

### TỰ (phiên âm) (1)

Dur văn chi hữu đại giác giả, phương hữu đại mộng.  
Vi tai ngôn hồ ! Vi tai ngôn hồ !

Phù ! đại nhi thiên địa chi chung thủy, tiểu nhi nhân vật chi sinh tử, viên nhi cổ kim chi thế biến, mộng chi giác dã. Phù như thị, tác sở vị mộng-ảo giả, trần-giới giả, nghịch-lữ giả, hành-khách giả ; tư nhân dã, khả dữ ngôn mộng dã dĩ hỹ.

Mai-đình mộng (2) ký, ký mộng dã. Mộng chi tiểu giả dã. Tiểu tiểu mộng tất hữu tiểu tiểu giác. Dur thường vị chúng nhân mộng dã, chi nhân giác dã. Y ! dung cự tri ngô chi sở vị mộng giả, vi phi mộng da ? dung cự tri ngô chi sở vị phi mộng giả, vi mộng da ?

Thử MAI-ĐÌNH chi ký sở-dĩ tác dã.

Kỷ-ty xuân, nhân nhật hậu, dur hữu Nam-đường chi du, khánh ngô huynh Chung-sơn học-xá thành dã. Đồ trở dĩ vũ, lữ vu Phù-thạch phố chi nghị-quyển. Quyển vị chi mệnh chu yền.

Nhật tương tịch, tố lưu Tày thượng. Thanh phong từ lai, thái không vô vân, minh nguyệt tại thiên. Mệnh đồng tử cử tửu tương chúc. Xuân sơn chi yểm-ái, xuân thủy chi lục-ly ; xuân quang, xuân sắc chi nghi nhân.

---

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán in ở trang 18

(2) Nguyên trong tựa không có chữ *mộng*. Hình như nguyên tác giả gọi tác phẩm mình là *Mai-đình-ký*. Nhưng sau thêm chữ *mộng* cho rõ ý.

Duy tri phù xuân du chi lạc vi khả túy, tăng bất giác phù túy nhi hữu phiên phiên nhiên chi thụy, thụy nhi hữu phiên phiên nhiên, cử cử nhiên chi mộng giả da? Kỳ lai dã nhược vô, kỳ khứ dã nhược hư. Đãi dữ phong lai sơ trúc, nhận độ hàn đàm, đồng thị nhất ban, vô hạn lý thú! Mai-đình chi nương-tử, thần tứ phiêu nhiên. Thư các chi phu nhân, từ khi lâm nhiên. Nhược nãi diễm như đào lý, kiên như tùng bách, nùng như thuần giao, đạm như sương tuyết, thiên thái vạn trạng, phi bút trát sở năng tận họa. Dư diệc bất giác kỳ thần quái chi như (hoặc *nhược*) tư.

Hu ta hồ! Phương kỳ Phù-thạch quan dăng thời, sơ bất tri kỳ hữu thủy nguyệt chi du chi thời, hựu yên tri kỳ hữu Mai-đình chi mộng!

Kỳ mộng dã da? Kỳ phi mộng dã da? Duy đại giác giả kỳ chính chư?

*Linh đài lang* Nguyễn Liên-Pha trước

## MAI-ĐÌNH MỘNG KÝ

### TỰA (Dịch nghĩa)

Ta nghe nói : người có *giác* (1) lớn mới có *mộng* lớn. Lời nói màu-nhiệm thay ! Lời nói màu-nhiệm thay !

Ôi ! việc lớn như chung-thủy (2) của trời đất, bé như sinh-tử của nhân-vật, xa như thế-biến (3) của xưa nay, đều là giác trong mộng cả. Như thế thì, những kẻ gọi là mộng-ảo, gọi là trần-giới (4), gọi là nghịch-lữ (5), gọi là hành-khách, mới có thể nói chuyện mộng được mà thôi.

Bài *Mai-đình mộng-ký* để chép mộng. Mộng ấy bé. Mộng bé-bé, ắt giác bé-bé. Ta thường bảo kẻ chúng-nhân (6) mộng, kẻ chí-nhân (7) giác. Há biết đâu là kẻ ta cho là mộng lại không mộng, kẻ ta cho là không mộng lại mộng hay sao ?

Vi thế nên bài ký *Mai-đình* này mới làm ra.

---

1. — **Giác** : tỉnh, trái với mê

2. — **Chung-thủy** : Chung là cuối cùng, thủy là bắt đầu

3. — **Thế-biến** : sự biến cải, thay đổi của đời.

4. — **Trần-giới** : bụi. hạt cải hay là cỏ rất nhỏ (trở vật nhỏ mọn).

5. — **Nghịch-lữ** : người qua đường.

Những chữ trần giới, nghịch lữ, mộng ảo, hành khách đều là chữ chỉ người ở cõi đời

6. — **Chúng-nhân** : người trong bọn tầm-thường, người ở trong đám quần-chúng

7. — **Chí-nhân** : người khác thường, cao thượng đạo-đức. Cũng như chữ thánh-nhân

Năm Kỷ-ty mùa xuân, sau ngày khai-hạ (8), ta đi lên chơi Nam-đường (9), để mừng nhà học của anh ta mới dựng ở núi Chung-sơn (10). Đi đường bị mưa, trú lại phố Phù-thạch (11), ở nhà bà-con. Người bà-con thuê dò cho ta.

Trời gần tối. Ngược giòng lên phương Tây. Gió mát thổi nhẹ, trời cao không mây, trăng sáng trên không. Bảo trẻ đem rượu cùng uống Cảnh núi xuân mờ tối, nước xuân long-lanh. Xuân-quang xuân-sắc đều hợp với người.

Chỉ biết đi chơi xuân có thể say. Nào có biết say mà ngủ phoi-phới, ngủ mà mộng phoi-phới chập-chờn đầu. Đi cũng như không, mà lại cũng như không. Những cùng gió lọt trúc thưa, nhận qua đầm quạnh, y như một điệu, lý-thú vô-ngần ! Cô gái dưới Mai-đình, thần tứ lạng-làng ; phu-nhân trong thư-các, từ-khi nghiêm-chính. Đến đẹp như đào lý, cứng như bách tùng, nồng như thuần giao (12), lạt như sương tuyết, thiên hình vạn trạng, không phải lấy bút mà tả hết được. Ta cũng không biết bấy giờ thần-tứ ra sao ?

8. — Khai hạ : ngày mồng 7 tháng giêng (chuyện vào năm 1809)

9. — Nam-đường : tên huyện. Nay là Nam-đàn ở Nghệ-an

10. — Chung-sơn : ở làng Chung-cự. Anh ông là Nguyễn Huy Vinh (1761-1818) ở ẩn bên núi Chung-sơn, lấy hiệu là Chung sơn cư sĩ

11. — Phù-thạch : tên bến và phố hồi trước, ở trên sông Lam-giang, cạnh núi Lam-thành. Ở đấy có đá nổi gần bờ nam-ngạn nên có tên Phù-thạch (đá nổi). Trấn-lị Nghệ-an xưa đối-ngạn với Phù-thạch.

12. — Thuần giao : tên hai thứ rượu ngon, nồng.

Ôi! vừa lúc đi xem đèn ở núi Phù-thạch, trước không biết sẽ có cuộc đi chơi trên sông, dưới nguyệt, lại không ngờ sẽ có giấc mộng Mai-đình!

Đó là mộng chẳng? Đó không phải là mộng chẳng? Duy chỉ có người đại-giác mới đoán được.

NGUYỄN HUY-HỒ

(H. X - Hãn dịch)

---

#### PHÊ-BÌNH

Độc bài tựa này, có những câu tả cảnh: «... gió mát thổi nhẹ, trời cao không mây, trăng sáng trên không... núi xuân mờ tối, nước xuân long-lanh. », tả mộng: «... say mà ngủ phờ phới, ngủ mà mộng phờ-phới chập-chờn, đi cũng như không mà lại cũng như không; những cùng gió lọt trúc thưa, nhận qua đầm quạnh .. » lời văn cực hay. Nếu ta trở lại nguyên-bản Hán-văn thì sẽ nhận ra rằng về tứ và lời, tác giả chịu ảnh hưởng Tô Đông-pha (Xích-bích phú) và Trang-tử (Nam-hoa kinh) một cách sâu-xa rõ-rệt.

梅 亭 夢 詩

天仙雨船夢眠鶴緣  
國登春葉覺愁裳夙  
水賦三一消醉玄叩  
江處相陰神酒得亭  
長何色光有無安梅  
帶郎魁劫障壇江向  
一劉花燒惱騷橫報

THƠ ĐỀ CHUYỆN MAI-ĐÌNH-MỘNG.

(của một người trong họ tác-giả)

Phiên âm

Nhất đời trường giang thủy quốc thiên,  
Lưu-lang hà xứ phú đẳng tiên.  
Hoa khô sắc tướng tam xuân vũ,  
Thiên kiếp quang âm nhất diệt thuyên.  
Nã chương hữu thần tiêu giác mộng,  
Tao đàn vô tử túy sầu miên.  
Hoành giang an đắc huyền-thường hạc,  
Báo hương Mai-đình khẩu túc duyên.

### Dịch nghĩa

Một giải trường-giang (1) nước lộn giời.  
 Lưu-lang (2) đầu tá vịnh Thiên-thai.  
 Quang-âm (3) thắm-thoắt đưa buồm trúc,  
 Xuân-vũ (4) dầm-dề đượm đóa mai.

1. — Trường-giang : sông dài.
2. — Lưu-lang : tức là Lưu Thần, người đời Hán, cùng với Nguyễn Triệu vào núi Thiên-thai hái thuốc, tình cờ đi lạc vào làng tiên.
3. — Quang-âm : bóng mặt trời. Nghĩa rộng, trở ngày giờ.
4. — Xuân-vũ : mưa xuân.
5. — Nào-chướng : sự buồn bực ở trong lòng làm che lấp mắt chân-trí.
6. — Tao-dàn : dài hợp làng thơ, văn.
7. — Huyền-hạc : chim hạc lông sắc đen như mặc xiêm đen.

Câu bảy là mượn tứ ở đoạn cuối bài phú Hậu Xích-bích của Tô Đông-Pha, xin trích lục nguyên văn như sau :

« ... Phản nhi đặng chu, phóng hồ trung lưu, thính kỳ sở chỉ nhi hưu yên ; thời dạ tương bán, tứ cố tịch liêu ; thích hữu cô hạc, hoành giang đông lai, xí như xa luân, huyền thường cáo y, dát nhiên trường minh, lược dư chu nhi Tây dã.

Tu du khách khứ, dư diệc tự thụ ; mộng nhất đạo sĩ, vũ y phiên thiên, quá Lâm-cao chi hạ, ấp dư nhi ngôn viết « Xích-bích chi du lạc hồ ? » Vấn kỳ tính danh, phủ nhi bất đáp. « Ô hô ! y hi ! Ngã tri chi hỹ ! Trù tịch chi dạ, phi minh nhi quá ngã giả, phi tử dã da ? »

Đạo sĩ cố tiếu, dư diệc kinh ngộ, khai hộ thị chi, bất kiến kỳ xứ ».

Phan Kế-Bính dịch rằng :

« ... Trở về lên thuyền, bơi ra giữa giòng. Mặc cho nó trôi vào đâu thì nghỉ ở đó. Hồi đó đã gần nửa đêm, trông ra bốn phía lặng ngắt. Xảy có một con hạc, tự phía đông bay ngang mặt sông

Não-chương (5) có thần mê cũng tỉnh,  
Tao-đàn (6) không rượu giấc nào say.  
Vị chãng huyền-hạc (7) qua sông đó,  
Mượn tới Mai-đình nhắc chuyện ai.

(Hoàng xuân-Hãn dịch)

---

mà đến, cánh tròn xoe như cái bánh xe, xiêm đen áo trắng (lông hạc) tiếng kêu ong óng, đi sát thuyền ta mà bay về phía Tây.

Một lát trở về nhà, khách từ biệt, ta cũng đi ngủ. Chiêm bao thấy một thầy đạo-sĩ mặc áo lông, nhớn-nhờ đi qua dưới đình Lâm-cao, vái ta mà hỏi rằng: « Chơi ở Xích-bích có vui không? » Ta hỏi họ tên thì người ấy cúi xuống mà không đáp lại. Ta nói: « Ôi thôi! ôi thôi! ta đã biết rồi! Đêm hôm qua vừa bay vừa kêu mà đi qua thuyền của ta, có phải là người đó chãng? »

Đạo-sĩ nhìn ta mà cười, ta cũng giật mình tỉnh dậy. Mở cửa trông ra thì không thấy gì nữa ».

(Đông dương tạp-chi — Tập cũ số 64)

## MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

### I. — NHẬP ĐỀ

1. Trăm năm là kiếp ở đời,  
Vòng trần này đã mấy người trăm năm.  
Cuộc phù-sinh có bao-lăm,  
Nỡ qua ngày bạc mà lăm tuổi xanh.
5. Duyên tể-ngộ hội công-danh  
Là hai, với nghĩa chung-tình là ba.  
Đều là đường cái người ta,  
Là cầu noi đó, ai qua mới từng.  
*Tình duyên* hai chữ nhắc bằng,
- 10 Há rằng duyên-chương, há rằng tình-si.  
Chuyện xưa còn có sá chi,  
Đêm thanh vui chén muốn ghi nổi mình.  
Cho hay rằng giống có tình,  
Chiêm bao lần-quất năm canh lần lần.

1. — Trăm năm: nên chú ý trong câu đầu Hoa-tiên, Đoạn-trường tân-thanh, Bích câu kỳ ngộ đều có chữ « trăm năm ».
3. — Phù sinh 浮生: đời sống của con người ở thế gian bấp-bênh không định như vật nổi trên mặt nước.
4. — Hoa-tiên có câu: cũng liêu đầu bạc mà lăm tuổi xanh.
5. — Tể ngộ 際遇: gặp gỡ; cùng một nghĩa với chữ tao-ngộ 遭遇: ý nói trai tài gái sắc gặp nhau.  
Công danh 功名: sự nghiệp làm nổi tiếng ở đời.  
Kiều có câu: Duyên hội ngộ, đức cù-lao.
6. — Nên chú ý đến cách đặt ý vượt câu. Hai chữ « là hai » thuộc về câu 5 vượt xuống đứng ở đầu câu 6.  
Chung tình 鍾情: chung là đức. Tình yêu đức chứa vào một người nào.

- Là cầu. Bản A: Nhịp cầu.
8. — Cầu noi: cầu bắc bằng một tấm ván hẹp để đi từ trong cạm xuống thuyền. Đường cái và cầu noi là lối mà ai cũng phải qua.
9. — Tình duyên 情緣: tình là tình yêu đương. Duyên là duyên kết hợp, ràng buộc.  
Nhắc: nhắc cân để so sánh.
10. — Duyên chướng 緣障: chướng là ngăn che. Theo đạo Phật, tình yêu như một thứ hạt giống nằm sẵn trong tâm, gặp cơ hội tốt có chỗ nảy nở rồi leo lên (duyên là leo) và ngăn che mất cái tâm trong sáng của con người.
11. — Sá chi: kể chi. Bản A: thiếu. Bản C: chuyện xưa còn đó thiếu chi.  
Tình si 情癡: tình yêu làm cho mê-mẩn.
13. — Kiêu có câu: cho hay là thói hữu-tình. Bản C: cho hay là thói có tình.
14. — Lăn quất: quanh-quẩn.  
Chữ tình và chữ chiêm bao gồm hết các ý hỏi sau.



**Trong đoạn nhập đề này ý nói:** Đời người thường lấy trăm năm làm kỳ hạn, song mấy người sống được trăm tuổi. Cuộc đời đã là sống gửi trong chốc lát, ta sao nên bỏ phí quang âm khi còn xuân-xanh? (câu 1-4)

Vả lại đường cái ở đời vốn gồm có ba: tế-ngộ, công-danh, chung-tình, giống như một cái cầu noi, câu chuyện tình-duyên người xưa để lại không kể, cho nên tác-giả đem nỗi mình ghi lại một thiên, nhân lúc đêm thanh vui chén. (câu 5-12)

Hai câu 13-14 là hai câu chuyển vào đề-mục. Mấy chữ có tình, chiêm bao tức là «chữ cái» thấu tóm đủ hết ý toàn thiên.

Xét về ý, trong đoạn lung này, quan niệm của thi-nhân là quan-niệm «hoan-lạc phong-lưu», thi-nhân tự nhận mình thuộc «nòi tình» đặt chung-tình, tế ngộ lên ngang hàng với công-danh vì thi-nhân thuộc dòng Nho quý-phái.

Sau hết, đây là một bài ký mộng, nên ở ngay mấy giòng đầu đã có các chữ tình-si, duyên-chướng... .. khơi ngòi cho giấc chiêm bao gặp người đẹp và đến đoạn kết sẽ có những chữ phản-ứng lại như: nợ, mộng-ảo, giấc và mê.

## II. — CUỘC XEM ĐÈN Ở PHÙ-THẠCH

- 15 Nhớ xưa năm Ty, tháng Dần,  
Thưởng xuân vừa gặp trưa tuần tròn trăng.  
Thắng-du tiện nẻo quan đặng,  
Trông vời non Liễu, băng chừng dặm hoa.  
Trời hôm xuân nhuộm màu da,  
20 Con mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây.  
Chim về xao-xác lá cây,  
Rừng Đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.  
Lửa đầu thấp-thoáng trong rèm,  
Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.  
25 Đá đầu lấp ló trưa giòng,  
Như bay hoa sóng, như trông gương nga.  
Thành đầu xây lấp yên-hà,  
Đỉnh non nền cũ, cấm cờ bụi sương.  
Đèn đầu lẳng dẫu khói hương,  
30 Bể Liêu công trước, vàng tương mái tàu.  
Lần theo ngọn nước lâu lâu.  
Gió lay chiếc cộc thuyền mau mái chài.  
Trong gương ai cấm cảnh mai,  
Dưới mây ai ném một vài lưu-tinh.  
35 Phồn-hoa nổi áng thị-thành,  
Này Phù-thạch phổ là danh lịch-triều.  
Thú phong-lưu cũng ít nhiều,  
Đèn chong vẽ tổ, lò thiêu bụi trần.  
Vững doi trái mấy xây vắn,  
40 Dập-diu còn đó vời xuân dễ nào !  
Thảo mà cánh điệp, lá đào,  
Đi về Vu-giáp, ra vào Vũ-lăng.

Một trời hoa cỏ làng làng,  
 Mơ-mòng mưa Sở gió Đẳng đầu đây.  
 45 Chiều xuân chuốc chén vui đầy,  
 Thử xem người tỉnh người say mới là.

15. — Năm Tỵ : năm kỷ ty (1809). Tháng Dần : tháng Giêng
16. — Trưa tuần : giữa tuần. Trưa là tiếng nói trong vùng Nghệ Tĩnh
17. — Thăng-du : 勝遊 : Đi chơi có nhiều hứng thú  
 Quan đăng : 觀燈 : Xem đèn
18. — Vui : chùng, nẻo xa Non Liễu : Núi Chung sơn ở gần Dương-Liễu, tên tục là núi Liễu.  
 Bãng chùng : vượt theo chùng mà đi.
20. — Hà : 霞 : rắng : mây nhân ánh mặt trời buổi sáng hay buổi chiều dọi vào thành có màu sắc. Câu này tả cảnh cực hay và đẹp : Trời có rắng như cuốn mây lên thấy cảnh ở sau.
22. — Rừng Đông : núi Hồng lĩnh ở phía đông Phù-thạch  
 Bóng thiềm : 蟾 : bóng trăng. Thiềm là con cóc, trở vết đen ở mặt trăng.
23. — Lửa : hương, đèn trong các phố khách ở Phù-thạch. Hai câu 23-24 tả phố Phù-thạch, hai câu 25-26 tả bến Phù-thạch, hai câu 27-28 tả Lam-thành, hai câu 29-30 tả đền Thiên-hậu, cùng đặt một lối như nhau, bắt đầu bằng hai chữ : Lửa đâu..., Đá đâu... Thành đâu .. Đền đâu... và đối chọi từng nửa câu hay từng câu từng đoạn ; ví dụ, những câu 23-24 đối với 25-26.
24. — Khói tùng : Khói đuốc làm bằng nhựa thông.
25. — Đá đầu : đá ở ghềnh Phù-thạch.
26. — Sóng đánh vào đá tung bọt như hoa và nước dờn thành ngần nên bóng tan ra thành lớp chập-chồng nhau.
27. — Thành : Lam thành, trên núi Nghĩa-liệt hay Rú Rum  
 Yên hà xây lấp : nói thành chỗ hiện chỗ lấp. Bản B chép : xây đắp. Yên hà 煙霞 : khói và mây.
28. — Trên đỉnh núi còn có cồn đất cao gọi là kỳ-đài nhưng cột cờ nay đã mất

29. — **Đền đầu** : Đền Thiên-hậu của khách-trú thờ bà vợ vua Tống Đế-Bính mất nước chạy trốn ra ngoài bể rồi chết đuối. Sau hồn bà hay cứu thuyền buôn bị bão, nên khách-trú hay lập đền thờ bà.
30. — **Bể Liêu** : **Liêu hải 遼海** : Tên bể ở gần bờ bán đảo Liêu-đông, nếu cắt theo nghĩa đen. — Ở đây bể Liêu chỉ nên hiểu rộng là bể, hoặc là bể Đông, vì hai vua cuối cùng đời Tống thì Đoan Tôn chết ở đảo Can-châu, và Đế-Bính chết ở đảo Nhai-son, (Lục Tú-Phu cũng vua nhảy xuống bể) đều thuộc hải phận 2 tỉnh Phúc-Kiến, Quảng-Đông cả ; Bể Liêu cũng là tên cửa sông Đáy ở nước ta.  
**Vàng tương** : vàng thiếp.  
**Tàu** : mái nhà. Hoa-tiên có câu : Mái tây chi để bóng tàu xế trắng. Kiều có câu : Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân.
32. — **Thuyền mau mái chèo** : Bản A : thuyền mau lưới chèo.
33. — Trước trăng có cành cây, trông như cắm cành vào trong trăng.
34. — **Lưu tinh 流星** : sao băng, Sao sa trên trời như ai cầm sao mà ném. Hai câu 33-34 tả cảnh ly-kỳ, hay tuyệt!
35. — **Phồn hoa 繁華** : phồn là nhiều, hoa là đẹp. Trỏ chốn náo-nhiệt, xa-xỉ, hoa-mĩ.  
**Áng** : đám. Có đám thị-thành phồn hoa nổi lên.  
**Thị thành 市城** : thị là chợ. Thành là tường cao xây bao bọc để phòng thủ một đô thị. Thị-thành là nơi đô-hội có người ở đông-đúc và buôn bán thịnh vượng.
36. — **Danh lịch-triều 名歷朝** : tên gọi trải qua các thời đại, triều vua. Nguyên đời Lê, trấn-lij Nghệ-an ở đối ngạn với Phù thạch, dưới chân núi Thành. Cho nên phố xá hai bên sông phồn thịnh lắm.
37. — **Thú phong lưu 風流** : thú ăn chơi sang trọng.
38. — **Đèn chong** : đèn đốt để lâu. Kiều có câu : đèn chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.  
**Vẻ tố 素** : nghĩa đen tố là sạch và trắng, Đây tức là vẻ sáng.  
**Lò thiêu** : lò hương đốt lên làm tan bụi trần.
39. — **Doi** : cồn cát giữa sông. Hoa-tiên có câu : đầu doi bay lộ, cuối ghềnh nổi âu.

41. — Thảo mà : thảo nào, hèn chi. **Cánh điệp** 蝶 : cánh bướm, ý nói mộng. Do điển Trang Chu mộng thấy mình hóa ra bướm-bướm.

**Lá đào** : lá cây đào ; ý nói cảnh tiên. Do điển người đánh cá thấy lá đào trôi theo giòng nước trong hang chảy ra. Chèo thuyền vào rồi đi lạc vào cõi tiên.

42. — **Vu-giáp** 巫峡 : núi Vu-giáp ở Tứ-xuyên. Trong bài phú Cáo-đường của Tống Ngọc đời Chiến-quốc có kể chuyện Sở Tương-vương ra chơi Cao-đường, mộng gặp thần-nữ tự xưng là Thần núi Vu, sớm làm mây, tối làm mưa ở Dương-đài. Vì thế nên các chữ : non Vu, mây mưa, Cao đường, Dương-đài đều dùng để trở sự trai gái u hội với nhau. Vu-giáp ở đây ý nói mộng thấy Thần-nữ.

**Vũ-lăng** 武陵 : tên đất thuộc Hồ-nam. Tấn Đào Tiềm có làm bài « ký suối hoa đào » kể chuyện người đánh cá đất Vũ-lăng vào rừng đào, đến một nơi thấy có dân cư chạy loạn tự đời Tần, khi trở về báo quan sở tại, cùng trở lại tìm chốn ấy thì không tìm thấy nữa. Có lẽ lúc trước y đã lạc vào cảnh tiên.

44. — Mơ-mòng : ao-ước. **Mưa Sở** : cùng một điển đã thích ở trên (câu 42, chữ Vu-giáp).

**Gió Đẳng** 滕 : thơ cổ có câu : *Thời lai phong tống Đẳng-vương các* = Lúc gặp vận may, gió thổi vào gác vua Đẳng. Ý nói duyên may dun dủi.

Đẳng-vương các là một chỗ danh thắng ở tỉnh Giang tây Vương Bột đời Đường, năm 16 tuổi, trước tiệc có làm bài tựa Đẳng-vương các nổi tiếng văn hay.

Mưa Sở, gió Đẳng đều trở sự gặp gỡ may mắn về tình duyên. Những chữ, những tích dùng trong bốn câu 22 25 đều hàm ý ở sau là mộng thấy người đẹp như tiên-nữ.

45. — **Chiều xuân** : theo ý mùa xuân mời-mọc.

**Chuốc** : Bản A : dốc.

Từ câu 35 đến câu 44 ý nói : phố Phù-thạch nổi tiếng đã lâu đời, cũng có thể gọi là chỗ phong-lưu. Dâu bể xây vắn, mà ở đây ngày xuân vẫn dập-dìu. Được như thế đã dễ đâu, chẳng trách ai cũng mơ-tưởng đến đó để hưởng thú thần tiên

Đoạn « xem đèn ở Phù-thạch » là một đoạn văn tả cảnh :

1o) 4 câu 15-18 ý nói : nhân ngày rằm tháng giêng, đi thưởng xuân, xem đèn, băng chùng đi non Liễu.

2o) 16 câu 19-34 tả cảnh :

a) 19-22 : Trên nền trời xanh, ráng chiều tuyệt đẹp ; chim hôm xao xác về tổ và vùng trăng vành vạnh, hiện ra trên đỉnh non Hồng.

b) 23-30 : trong khung cảnh ấy, phô bày trước mắt thi nhân : nào đèn hương trong phố, nào hoa sóng, ngấn trăng ở mặt ghềnh, xa ra : kia nền cũ thành Lam, đây vàng tương mái đèn Thiên hậu.

c) 31-34 : cảnh cực kỳ linh động : bóng cọc, mái chèo lung lay trên nước ; sau rặng hoa mai, nhật thừa gương dọi ; dưới mây vụt lóe một vài vị sao băng.

3o) 12 câu 35-46 : Phù-thạch trải qua bao lần dâu bể xây vắn riêng vẫn còn giữ được áng phồn-hoa, hèn chi ai cũng ưng đến chốn này để hưởng thú thần tiên, bạn cùng yên hà phong nguyệt.

Lời văn tả cảnh thanh tao, đầy thi vị, tạo nên một bức tranh diễm-lệ ăn nhịp với giấc « mơ tiên » của thi-sĩ về sau.

### III. — THUYỀN NGƯỢC DÒNG SÔNG LAM

Dã men vừa sánh giọng trà,  
 Nhà lan treo tháp, doanh la xuống thuyền.  
 Gió xuân rút cánh bướm duyên,  
 50 Thiều-quang chín chục, vân yên một chèo.  
 Bến tỉnh nhẹ nhỏ con neo,  
 Đầu mai yển vắn, mạn chèo oanh đưa.  
 Thanh-thời bầu rượu túi thơ,  
 Ngón cầm khiên-hứng, nước cờ giải-mê.  
 55 Nảo nùng vượn suối hoa khe,  
 Với người dường có vả-vê chữ tình.  
 Phong-quang tám bức vén tranh,  
 Bình non mượn khảm, gương doanh lét tô

- Bến Nam liễu bá con đò ;  
 60 Mảnh mây viễn-phố, cánh cò hàn-sa.  
 Ngàn Đông khói lẫn lạc-hà ;  
 Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cò-thôn.  
 Vó cầu pha gió nhẹ bon,  
 Bên lầu thử hỏi hoàng hôn địch nào.  
 65 Trời Tây bóng hạc non sào,  
 Đường rêu khách quanh ruồi vào Thiên-thai.  
 No xem góc bể bên trời,  
 Một xuân biết mấy mươi nơi dập-diu.  
 Đòi nơi giốc-mục, ca-tiều,  
 70 Cần hôm mấy cán, tơ chiều nửa manh.  
 Thanh-thời gió mát trăng thanh.  
 Nào đầm Đồng lại, nọ gềnh Bàn-khê.  
 Mảng vui sào cạy mái phê,  
 Doành Ngân bóng thỏ đã xè ngang đầu.  
 75 Nài xuân chén những kéo mau,  
 Tưởng duyên kỳ-ngộ, ngâm câu Vị-đường  
 Này này quế-trạo lan-tương,  
 Ví đua Xích-bích, chi nhường Đông-Pha.

47. — **Dã men** : dã hơi men = hết mùi rượu.

**Sách** : cùng uống

**Giọng trà** : vị trà. **Kiều có câu** : Chén hà sách giọng quỳnh-tương.

48. — **Nhà lan** : nhà bạn. **Do chữ** : lan giao, lan khách, lan khế  
 trở bạn bè rất tốt, tình đậm thắm như hương hoa lan.

**Treo tháp** : 榻 : cái giường. Tháp là cái giường hẹp mà dài. Do điển người Trần Phồn, đời Hậu Hán, có một cái giường để dành tiếp người bạn quý là Từ-Tử, hễ bạn đi, lại treo lên. Nhà lan treo tháp tức là từ biệt bạn ra đi.

**Doành la** : La là một thứ lụa trắng, mịn và mỏng. Đây ý nói mặt nước phẳng và trắng như la, do sự phản chiếu ánh sáng.

Hai câu 47-48 ý nói : tỉnh rượu thì uống trà, xong rồi xuống thuyền.

50. — Thiều quang 韶光 : thiều là đẹp, quang là ánh sáng, trở cảnh ngày mùa xuân. Kiều có câu : Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Vân yên 雲煙 : mây khói.

51. — Nhẹ nhỏ, Bản B : thẳng nhỏ. Cả hai bản viết chữ nhỏ như trở, cho nên bản A chép thẳng trở. Chắc sai.

52. — Mai : mũi thuyền

Mạn : Phần hai bên thuyền bè. Bên

Vấn : vấn-vít, bay quần quít chung quanh. Yến oanh là chim mùa xuân. Đây nói chim bay vấn-vít quanh thuyền. Như vậy thì lúc bấy giờ là ban ngày. Đoạn trên tả trắng sao là tả đêm hôm trước. Tác giả ở lại Phù-thạch một đêm xem hội đèn của khách-trú, rồi mới ngược lên Nam-đường.

54. — Khiển hưng 遣興 : khiển là khiển, hưng là nói tinh tình dấy lên, nảy nở ra. Khiển hưng = khơi-gợi thú-vị

Giải mê 解迷 : giải là cởi ra, mở ra, thoát khỏi. Mê là mờ ám, say đắm.

56. — Vả vè : ham mê, quyến luyến. Bản A : vẽ-vê

57. — Phong quang 風光 : trở cảnh đẹp. Thơ cổ có câu : « Nhật hoa xuyên thượng động. Phong quang thảo tế phù = Ánh mặt trời rung rinh trên giòng nước. Ánh sáng của gió nổi lên vờn trên cỏ. » — Gió vốn không có ánh sáng nhưng trên cỏ có màu sắc do bóng mặt trời, gió thổi vào làm rung động dường như gió có ánh sáng, vì vậy thành chữ « phong quang »

Câu này ý nói : cảnh tượng bốn bề phong quang, đẹp đẽ.

58. — Lét : dòm trộm. Hoa-tiên : Lét chừng khói ngát bóng dương. Câu này ý nói : cây mọc trên núi như mượn núi làm bình để cắm ; mặt nước phẳng như gương có thể nhìn mà tô điểm được. Tiếng này ở vùng Nghệ vẫn còn, nhưng ở các nơi đã lẫn ra tiếng liếc

59. — Bá : bám vào, dính vào.

60. — Viễn phổ : 遠浦 : viễn là xa, phổ là bãi : bãi sông ở xa  
Hàn sa : 寒沙 : bãi cát hiu-quạnh, lạnh lẽo.

61. — Lạc hà : 落霞 : ráng còn đương tan
62. — Cổ thụ : 古樹 : cây to sống lâu năm  
 Cô thôn : 孤村 : làng xóm đứng một mình  
 Trong 4 câu 59-62, tả cảnh tỉ-mỉ cầu kỳ và hay, tiểu đối cũng rất cân, và đối nhau từng tiết một.
63. — Vó câu : 駒 : chân ngựa. Ngựa câu là ngựa tốt và non  
 Pha : xông lướt qua  
 Bon : chạy nhanh. Bản A : dòn
64. — Bên lâu thử hỏi. Bản B : Bên lâu bắc gọi. Sự lầm-lẫn vì tự-dạng chữ bắc và chữ thử. Hoàng-hôn : 黃昏 : lúc chạng vạng, trời gần tối  
 Địch : 笛 : ống sáo.  
 Ý hai câu 63-64 tả ngựa chạy xông gió. địch thổi bên lâu lúc hoàng hôn.
65. — Bóng hạc non sào : mặt trời xuống còn chưa đến một cây sào nữa.
66. — Quạnh : vắng-vẻ.  
 Ruồi : Bản A, C : lối.  
 Thiên-thai 天台 : tên núi ở Chiết-giang; tương truyền Lưu Thần, Nguyễn Triệu đời Hán vào núi hái thuốc, gặp hai người tiên nữ, cùng nhau kết duyên, ở lại nửa năm, khi trở về thì ở dưới trần đã được bảy đời. Đây trở cảnh tiên.
67. — No : đủ lắm.
68. — Câu này ý nói : « nhiều nơi dập dìu » để chuyển xuống ý những câu sau.
69. — Giốc mục 角牧 : cái tù và của người chăn trâu. Đây là tiếng tù và người chăn trâu thổi.  
 Ca tiêu 歌樵 : tiếng hát của người đốn củi.
70. — Cẩn hôm : cần câu.  
 Tơ chiều : áo tơ của người làm ruộng, đi cày.  
 Câu 69 trong các bản tôi được xét xem đều chép : ngư-tiêu. Nhưng giốc mục, ngư-tiêu thì không cân đối và lập ý câu sau. Chắc kẻ chép đã sai từ lâu. Tôi suy đoán mà chữa lại. Chắc nguyên-văn đúng như vậy.

Trong 2 câu 69.70 có đủ bốn cảnh về người : mục-đồng thổi giốc, tiều-phu hát ca, ngư ông cầm câu và canh-phu mang toi. Những cảnh này là cảnh nơi thôn-dã hay cảnh ần-dật.

72. — Nào. Bản C : này. **Đồng-lại** 桐瀨 : chỗ Nghiêm Quang câu cá. Nghiêm Quang, tự là Tử-Lãng, thừa nhỏ là bạn học của Hán Quang-Vũ. Khi Quang-Vũ lên ngôi, Tử-Lãng thay đổi tên họ đi ở ần. Quang-Vũ vờ ra làm quan không ra ; về đi cày ở núi Phú-xuân. Chỗ Tử-Lãng câu cá gọi là Nghiêm-tăng lại, ở phía nam huyện Đồng-lư, tỉnh Chiết-giang. (Lại là nước chảy trên cát hay là nước chảy xiết — Đồng là huyện Đồng-lư).

**Bàn Khê** 磻溪 : ở Đông-Nam huyện Bảo-khê, tỉnh Thiểm-Tây, bắt nguồn ở Nam-sơn Tư-cốc, chảy về Bắc, vào sông Vị. Khe có suối gọi là Tư-tuyền, tương truyền đời Chu, Lã-Vọng câu ở đây mà gặp Chu Văn-vương. Cả hai chữ Đồng-lai, Bàn-khê đều có ý nói chỗ ần-dật.

73. — **Sào cạy** : lấy sào mà đẩy cho mũi thuyền quay sang tay trái.  
**Mái phê** : mái chèo lướt trên mặt nước.

74. — **Đoành ngân** : sông Ngân-hà.

**Bóng thỏ** : bóng trăng

**Xê** : dịch

75. — **Nài** : mời mãi, cố mời

**Kèo** : rót rượu mời. Hoa-tiên có câu : Hầu vui chén hãy kẻo mau.

**Mau** : nhạt, kip, nhanh chóng

76. — **Kỳ ngộ** 奇遇 : sự gặp gỡ lạ lùng.

**Vị đường** : 渭塘 : bờ đê sông Vị ; trên bờ sông có thành là Vị thành.

Đây có ý nhắc tới bài thơ của Vương Duy tiễn Nguyên Nhị đi sứ xứ An-tây :

« Vị thành triều vũ áp kinh trần.

Khách xá thanh thanh liễu sắc tân !

Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.

Tây xuất Dương-quan vô cố nhân »

Ông Ngô tất-Tố dịch rằng :

« Trời mai mưa ướt Vị-thành,  
 Xanh xanh trước quán mấy cành liễu non.  
 Khuyên người hãy cạn chén son,  
 Dương quan tới đó không còn ai quen. »

Dường-thi trang 122-123

(Nhà xuất b<sup>n</sup> Tân-dân)

77. — **Quế-trạo lan-tương** 桂棹蘭橈 : mái chèo làm bằng gỗ cây quế và gỗ cây lan. Mái chèo ở phía trước gọi là tương mái chèo ở phía sau gọi là trạo. Bốn chữ này do câu « *Q iế trạo hê lan tương* » ở trong bài phú Tiền Xích-bích của Tô Đông-Pha.
78. — **Xích-bích** 赤璧 : trên núi, ở bờ sông, phía Đông-Bắc huyện Gia-ngư, thuộc tỉnh Hồ-bắc. Chu Du dùng hỏa công cả phá quân Tào Tháo ở đây.
- Đông-Pha** 東坡 : tức là Tô Thức, tự Tử-chiêm, hiệu Đông-Pha, một danh-sĩ đời Tống, có làm hai bài phú tiền và hậu Xích-Bích.



Tiếp theo đoạn xem đèn ở Phù-thạch, đây là đoạn tả cảnh khi thuyền tác-giả « ngược giòng sông Lam »

1o) hai câu 47-48 là hai câu chuyện : tác-giả từ biệt bạn xuống thuyền.

2o) 8 câu 49-56 nói chung về cảnh thuyền dương buồm đi trên sông trong một ngày xuân ; thi-nhân nhân-nhã hưởng thú uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ ; hai bên bờ sông, tạo-vật đường cũng có tình quyến-luyến đón chào du-khách

3o) 10 câu 57-66 riêng tả bốn bề phong quang như bày ra tám bức tranh tuyệt đẹp. Cảnh ấy, gặp lúc chiêng vàng xế bóng, ở đằng xa tiếng địch bên lầu đưa lại, khiến người tưởng tượng có lối vào tới động tiên.

4o) 6 câu 67-72 : Chữ Thiên thai ở câu 66 bắt xuống 4 thú ăn-dật : « tiều, mục, ngư, canh » của khách lâm-tuyền, bạn cùng gió mát, trăng trong như Khương Thượng ở khe Bàn hay Nghiêm Lăng bên đầm Đồng-lại.

5.) 6 câu 73-78 : Ngang đầu vắng vắng kia gương Ngọc thỏ, tác-giả cao hứng chuốc rượu, nghĩ mình một con thuyền giữa khoảng trên trăng dưới nước, dễ đã thua gì cuộc chơi Xích-bích của thi sĩ họ Tô.

Lời thơ chải-chuốt, điêu-luyện vô cùng, diễn dùng thoát ngang Đoạn-trường tân thanh và hơn hẳn Hoa-tiên, nhất là nếu ta so sánh 10 câu tả « tám bức vén tranh » trên này với « tám bức sàu treo » ở Hoa-tiên, khi Dương Giao-tiên cùng thân-phụ đi thuyền về kinh-dô để-khuyết :

« Giang sơn tám bức sàu treo,  
Cảnh may dễ chạnh, sắc chiều như xui.

Kia đầu cát phẳng một doi,  
Mấy chòm lếch thếch loi thoi trận nhàn.

Kia đầu mấy tận chân ngàn.  
Lung đèo xao-xác, hợp tan chợ chiều.

Kia đầu viễn-phố quạnh heo,  
Chân trời thấp thoáng con chèo về khơi.

Kia đầu bờ bến lồi thoi,  
Ngư thôn mấy nóc mặt trời tà dương.

Kia đầu nghi ngút khói sương,  
Chày khuya mấy tiếng chuông vang bên chùa.

Kia đầu nước lạnh trời thu,  
Động-Đình phẳng lặng một hồ trăng in.

Kia đầu ban tối đỗ thuyền,  
Trắng bay hoa tuyết giang thiên một màu.

Kia đầu trúc-lệ nhuộm thâu,  
Tiêu-Tương lịch-chích mưa mau canh chầy.»

1. Bình sa lạc nhạn (cảnh đàn chim nhạn bay xuống bãi cát bằng)

2. Sơn thị tình lam (cảnh chợ chiều chân núi)

3. Viễn phố quy phàm (cảnh chiếc thuyền buồm ở bãi xa chạy về)

4. Ngư thôn tịch chiếu (cảnh bóng chiếu ở xóm thuyền ch.đ.)

5. Sơn tự hàn chung (cảnh tiếng chuông chùa vắng vắng trên sườn núi)

6. Động Đình thu nguyệt (cảnh bóng trăng thu trên hồ Động-Đình)

7. Giang biên mộ tuyết (cảnh tuyết sa bên sông lúc gần tối)

8. Tiêu-tương dạ vũ (cảnh mưa sông Tiêu-Tương ban đêm)

(Hoa tiên truyện dẫn-giải của Đinh xuân-Hội  
Nhà xuất bản Tân-dân trang 81-82 — Câu 999-1016)

## IV. — MỘNG ĐẾN MAI-ĐÌNH

- Say-sưa đòi thú lân-la,  
 80 Giang-thành đã gióng canh gà sang tư.  
 Giác hòe thiệp-thiếp lần mơ,  
 Trong mơ-mộng thấy tình cờ lạ sao.  
 Tưởng mình lạc-lối nguồn Đào,  
 Khi ra Động-khẩu, khi vào Bồng-doanh.  
 85 Đòi nơi chim lá hoa cành,  
 Dường chiều đón rước, như tình rủ-rê.  
 Mấy chòm len-lỏi sơn-khê,  
 Dòng ngăn thú dật, vách che bụi trần  
 Ruồi quanh hoa-kính lần lần,  
 90 Cảnh tiên riêng đợi tay thần mở mang  
 Bầu trời ghê chiếm thanh-quang,  
 Nẻo xa trông rõ mấy trang lão-tùng.  
 Dưới tùng có gác Nghinh-phong,  
 Cách chừng thấy những phạm-cung bảo-đài.  
 95 Bể chừng dạo bước tới nơi,  
 Tường sau ngàn gốc táo-mai quanh thành.  
 Biển đầu nét tạc rành-rành,  
 Đề ba chữ « Thưởng-mai-đình » vàng tương.

79. — Đòi : nhiều.

80. — Giang-thành 江城 : thành trên sông. Có lẽ thành Triều-khẩu hay thành Sa-nam. Canh gà. Bản A viết tiếng gà, không hợp với ý sang tư ở sau.

81. — Giác hòe 槐 : giấc ngủ, giấc mơ. Do chữ Hòe an mộng : Thuần vu Phần uống rượu ở gốc cây hòe, say nằm ngủ, mộng thấy mình đi vào một cái hang, đến nước Đại-hòe-An-quốc, vua nước ấy sai ra làm Thái-thú quận Nam-kha; khi tỉnh dậy thấy trong gốc hòe có lỗ hồng to rộng kê được

một cái giường, có con kiến cực lớn tức là vua nước Đại-hòe và ở lỗ thủng lên có cành cây quay về hướng Nam tức là Nam-kha quận.

83. — **Nguồn đào** : do chữ **Đào-nguyên** 桃源 : xem lời chú-thích chữ Vũ-lãng câu 42.
84. — **Động khẩu** 洞口 : cửa động. Trong bài thơ Thiên-Thai thứ 3 (Nàng tiên tiên Lư, Nguyễn ra động) có câu : « *Hoa dương động khẩu ưng trường tại* » = bông hoa trong động nên còn mãi. Chữ động khẩu trở cửa động Tiên.  
**Bồng-doanh** 蓬瀛 : núi Bồng-lai và núi Doanh-châu. Ở trong bề Bột hải tục truyền có ba núi tiên là Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh châu, người tiên và thuốc tiên đều ở ba núi ấy, loài vật toàn sắc trắng, cung điện toàn làm bằng châu báu bạc vàng.
85. — **Đồi nơi** : nhiều nơi. Bản A : Đồi phen.
86. — Như. Bản C : ra.
87. — **Chòm** : xóm người ở len-lỏi dọc bờ khe.  
**Sơn Khê** 山溪 : khe núi.
88. — **Thú dật** 逸 : thú ăn dật, thú ở lánh mình ra ngoài cảnh đời náo-nhiệt phồn-hoa.
89. — **Ruồi** Bản B, C : lối. **Hoa kính** 花徑 : đường đi hai bên có hoa.
90. — **Đợi** : Bản B : để.
91. — **Ghê** : riêng. **Hoa-tiên** : Bầu trời riêng chiếm phong-quang  
**Thanh quang** 清光 : trong-trẻo sáng-sủa.
92. — **Trang lão tùng** 老松 : cây thông già.  
Rõ. Bản C : tỏ.
93. — **Nghinh phong** 迎風 : hóng gió.
94. — **Thấy những**. Bản B, C : những ngõ. **Phạm cung** (cũng đọc là phạn cung) 梵宮 : cung Phật.  
**Bảo đài** 寶臺 : đài tiên.
95. — **Băng chừng** : xem lời chú thích câu 18.
96. — **Tảo mai** 早梅 : nòi mai nở hoa sớm.  
**Quanh**. Bản B : viết nhiều, nghĩa là quanh. Nhưng chữ ấy cũng có thể là chữ theo mà lẫn ra.
98. — **Thưởng-mai đình** 賞梅亭 : đình để thưởng thức (xem ngắm) hoa mai.  
**Vàng tương** : xem lời chú thích câu 30.

## V. — THIẾU NỮ ĐỀ THƠ

- Trong đình bốn báu sẵn sàng,  
 100 Cánh mây mới thảo, ngòi sương chữa rời.  
 Xông mai chợt động bóng người,  
 Vẽ lan vừa chán vôi dời gót sen.  
 Rẽ ngang về mái tây-hiên,  
 Cảnh dao khuất bóng, xiêm tiên lẫn màu.  
 105 Ít nhiều chùm quện chồi thâu.  
 Hương thừa còn phảng phất đầu trước đình.  
 Vẽ sao ngọc chuốt giá thanh,  
 Bút thần đổ vẽ nên tranh truyền thần.  
 Giá sao báu Triệu, châu Tần,  
 110 Người sao trông dưới cõi trần chưa ai!  
 Thực âu sắc nước hương trời,  
 Chẳng dòng thần-nữ cũng vời tiên-cung.  
 Nguyên phong đồng tỏa trùng-trùng,  
 Khách thơ thêm những mơ-mòng hồn thơ.  
 115 Biết đâu nước đợi non chờ,  
 Chúa xuân sao bỗng hững-hờ cho đang.  
 Bào tinh lần thấm giọt Tương,  
 Thân-thờ ngọn khói cảnh sương một minh.  
 Lén vào kề trước côn-đình,  
 120 Vách mai còn dán rành-rành tiên mai :

*Lừa ngọc cùng ai đó ?  
 Trăng kia với khách này.  
 Một cảnh xuân đã sớm,  
 Mấy đóa tuyết nào bay.*

125            *Vẽ sạch mưa càng dãi,  
Lòng thơm gió nữ lay.  
Bướm con đừng thóc mách,  
Cho hái có nhường tay*

(Bài thơ Thường-mai nguyên vận)

- 99.— Bốn báu : giấy, bút, mực, nghiên.
- 100.— Cảnh mây : giấy có vẽ mây dùng để viết thơ cho đẹp  
Ngòi sương : bút.
- 101.— Xông mai : lướt qua khóm mai
- 102.— Hoa-tiên có câu : Vẽ hoa vừa chán, gót lan vội dời
- 103.— Rẽ. Bản B : ghẽ
- 104.— Cành dao 瑤 : dao là thứ ngọc tốt, đẹp. Cành dao là cành cây bằng ngọc, trở người đẹp. Kiều có câu : Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.
- 105.— Chùm quện chồi thâu. Các bản đều viết chữ nôm mà ta có thể đọc như vậy Nghĩa : chùm cây còn quện và chồi cây còn thâu hương-thừa của thiếu-nữ vừa mới lướt qua để chạy nấp vào nhà trong. Chữ thâu bản nôm viết bằng chữ thâu là trộm gần giống chữ du là cây du. Cụ cử Dương Bá-Trạc có ngộ ý rằng bốn chữ ấy có lẽ là : *chùm thược chồi du*, và lấy ý ở câu thơ cổ « *Hồng du, bạch thược đa xuân từ* ». Tuy câu như vậy thì trọn nghĩa hơn, nhưng ý không ăn với câu trên và câu dưới. Vả chữ nôm quện, viết bằng chữ Hán *quyển* không thể bởi chữ *thược* làm ra được.
- 107.— Sao. Bản A, C : đầu Giá : băng. Hoa-tiên có câu : Người sao ngọc chuốt tuyết đông, Vẽ sao giá chuốt gương trong hỡi người.
- 109.— Sao. Bản C : đầu Báu Triệu, châu Tần : ngọc nước Triệu, hạt châu nước Tần. Ý nói của rất quý.
- 110.— So dưới. Bản A : trông xuống. Bản B : trông dưới.
- 111.— Thục âu : thục được như vậy. Kiều có câu : Than ôi sắc nước hương trời.
- 112.— Thần nữ 神女 : con gái về loại thần, tiên ở trên trời.  
Tiên cung 仙宮 : nơi nhà ở của các vị tiên.
- 113.— Hoa tiên có câu : sinh rằng : đồng-tỏa nguyên-phong.  
Kiều có câu : tác gang đồng-tỏa nguyên-phong.

Nguyên phong đồng tảo 原封銅鑄 : niêm phong y nguyên bằng khóa đồng

Trùng trùng 重重 : hết lớp này đến lớp khác. — Ý câu 113 này nói : Cách biệt hẳn không thấy người nào ra vào cả.

114. — Thêm. Bản A : luống.

117. — Bào : áo bào.

Giọt Tương : nước mắt. Tương là sông Tương chảy vào hồ Động-đình Tục truyền vua Thuấn mất ở đó, hai bà hậu khóc. Nước mắt làm quện cây trúc thành vân. Các bản đều chép : « giọt sương », nhưng trùng vận với câu 117 (cành sương) Có lẽ là « giọt tương », nghĩa là nước mắt như người ta thường nói « giòng tương, mạch tương »

119. — Kê : gàn sắt.

Còn-đình 崑亭 : Còn-sơn đình. Đình có thần nữ ở

120. — Tiên-mai : 箋梅 tờ giấy có vẽ hoa mai để viết thư hoặc đề đề vịnh.

121. — Đóa. Bản B : diềm

127. — Thóc-mách ; Việc riêng lay bí-mật của người. không phải của mình, mà cũng tìm kiếm để biết và nói ra.

Ý bài thơ (câu 121-128) : Hoa mai chỉ làm bạn với trăng, với khách thưởng-hoa. Một cành hoa nở sớm mùa, còn có tuyết bám vào. Vẻ sạch, mưa dãi càng sạch. Lòng thơm nên gió không nở lay mất hương thơm. Bão những con bướm bé đừng đi mách cho ai biết có hoa quý ở đây vì tay hái hoa đã dành sẵn rồi.

(Bài thơ này mượn hoa mai mà ngụ ý tình duyên.)

## VI. — HỌA THƠ THƯỜNG-MAI

Từ cao cách lạ tốt vời,

130 Quần-thoa hiếm nhĩ nầy tài Âu, Tô !

Nữ-trung dễ mấy này ru !

Song mai kể mấy công-phu tập rèn.

Câu thần, chữ thánh, người tiên.

Hay đâu là chẳng sẵn nguyên trăm năm.

135 Phím hoàng đợi khách tri âm,  
 Nên treo cân Lệ, ai cầm giá Côn  
 Nghĩ mình giông-ruồi nước non,  
 Niềm kinh-quốc, nổi hương-thôn bầy chầy,  
 Thốt chi bướm lữ ong bầy.

140 Đàn Tao nào mấy đũa tay cầm vè.  
 Dù chẳng con Tao khát-khe,  
 Thì chi cánh điệp còn mê với tinh.  
 Trót đà tới Mẫu-đơn đình,  
 Thơm chẳng cũng bề một cánh làm duyên.

145 Tục-điều gặng bộ vắn tiên,  
 Liễu-tri trước lá hoa-tiên thế nào?  
 Ngồi dao vừa ráo luật Đào,  
 Với vắn thơ trước sắp vào một phong :

150 *Dao-tri in vẻ ngọc,  
 Đúc lại lá tiên này.  
 Nả gió hoa vừa náu,  
 Nải hương nguyệt muốn bay.  
 Chiếc đình còn phảng phất,  
 Cái bướm bông thầy-lay*

155 *Chẳng những xuân kia chọn,  
 Thần tiên cũng chấp tay.*

(Bài thơ thường-mai họa vắn)

Người tiên dấu cách mấy trùng,  
 Dấu tiên càng phó thi-đồng chắt-chiu.  
 Bông dung trắng giạt gió diu,  
 160 Làm sao lui tới cho đeo-đẳng này.  
 Cuộc mê càng mãi-miệt thay,  
 Đập-dờn chiếc bóng, chay-vay trót giờ.  
 Một đình, một khách, thần thơ,  
 Thôi thăm-thì hỏi, lại mơ-mẩn chào.

129. — **Tứ 忌** ý tứ  
 Cách 忌 : cốt cách
130. — **Quần thoa 裙钗** : quần và trâm cài tóc. Nói chung về đàn bà. Bản A : Thoa quần.  
**Âu** : Âu-dương Tu. 歐陽修, tên tự là Vĩnh thục. nổi tiếng một thời về văn, thơ, người quận Lu-Lãng, đời Tống.  
**Tô** : Tô Đông-Pha : nổi tiếng về văn, thơ, người đời Tống; xem lời chú thích câu 78.  
 Câu 130 này đại ý nói ; Đàn bà như thế này là hiếm lắm. Có tài Âu, Tô.
- 134 — **Nữ trung 女中** : trong hàng con gái.  
 Mấy này ru. Bản C : mấy người ru.
- 132 — **Song mai** : cửa sổ bên ngoài trồng hoa mai. Trỏ chỗ buồng học.  
 Nên đề ý đến sự dụng tâm dùng chữ *mai* : nào vách *mai*, tiên *mai*, nào hồn *mai*, song *mai*..  
**Công phu 工夫** : nghĩa đen công là công trình khó-nhọc; phu là kẻ đi làm công việc nặng nhọc, làm thuê, làm mướn. Dùng rộng ra là dụng-công, mất nhiều công khó-nhọc.
134. — **Nguyện** : nguyện, tức lời ước hẹn.
135. — **Phím Hoàng** : khúc đàn « Phụng cầu kỳ hoàng » của Tữ-mã Tương-như gảy để quyến-dũ Trác Văn-quân. Văn-quân nghe tiếng đàn hay mà mê, rồi hai bên lấy nhau. — Nói sự lấy thơ nhạc để kén vợ kén chồng  
**Tri-âm 知音** : nghĩa đen : nghe hiểu, biết tiếng đàn của người khác. — Nghĩa bóng : bạn thân hiểu biết bụng nhau. Do điển Chung Tử-Kỳ nghe tiếng đàn hiểu thấu được tâm-chí Bá-Nha; hai người trở nên bạn thân.
- 136 — **Lệ 麗** : sông Lệ, một chi nhánh của sông Trường-giang. Cân Lệ nghĩa là hạt châu sông Lệ cân nặng.  
**Côn 崑** : núi Côn-lôn. Ngọc ở núi Côn quý giá.  
 Hai câu 135-136 này ý nói : Vì kén chồng cho nên đợi khách tri-âm, như hạt châu sông Lệ còn treo chưa có ai cần, như ngọc núi Côn, còn gìn giữ chưa cho ai đánh giá.

137. — Giông-ruổi : cũng nghĩa như chữ giông : đi bằng ngựa.
138. — Niêm kinh quốc 寧國 : lòng nghĩ đến vua đến nước.  
Nôi hương thôn 鄰村 : làng xóm, nhà quê.
139. — Thốt chi : thốt là nói. Thốt chi là nói đến chi, kể chi.  
Bướm lư ong bầy. Bản A : bướm rử ong mời.
140. — Đàn tao : do chữ Tao đàn 琴壇 : là cái nền làm nơi hội họp của những người văn chương tao nhã.
140. — Cắm vè : vè là cái cọc để làm dấu hiệu cho đường tàu bè đi. Cắm vè nghĩa bóng là làm thủ-lĩnh, chỉ đường cho người khác.  
Nghĩa 2 câu 139-140 này là : có kể chi kể tầm-thường đi ve-vãn vì trên Tao-đàn đã mấy người đua kịp cùng mình để làm « nguyên-soái » (làm chủ).
141. — Chăng · chẳng, không. Nếu con Tào chẳng khát-khe.  
Con Tào 造 : do chữ Tào-hóa. Tào là dựng. Hóa là hóa. Con Tào tức là Trời gây-dựng, biến hóa muôn vật.
142. — Cánh điệp : xem lời chú thích câu 41.
143. — Mâu-đơn đình 牡丹亭 : do chuyện Đỗ Lệ-nương nằm mộng thấy gặp Liễu Mộng-Mai ở Mâu-đơn đình rồi sau lấy được nhau.
145. — Tục điêu 續貂 : nối đuôi con điêu. Nghĩa bóng : Họa vằn Điêu là một loài chuột to như con rái cá, đuôi to, lông rậm, dài hơn một tấc, sắc vàng và đen, sinh ở xứ rét, da nó làm áo mặc rất ấm. Lối phục sức nhà Hán, mũ của quan Thị-trung thường thị đều cắm đuôi con điêu. Đến cuối đời nhà Tấn, cho những người bầy-bạ làm quan nhiều lắm, người đời ấy có câu nói rằng : « đuôi điêu không đủ, lấy đuôi chó nối vào ». Vì lẽ ấy nên họa thơ thường nói nhún : « nối điêu », trỏ ý « họa theo ».  
Kiểu có câu : Hay hèn nhẽ cũng nối điêu.  
Bộ vận 步韻 : Dùng vần người khác để làm thơ ; họa lại thơ của người ta mà theo đúng vần.
146. — Liễu trì 柳池 : Từ thơ. Do điển Tạ Huệ-Liên trong Nam-sử. Huệ-Liên năm lên 10 đã nổi tiếng làm văn hay, người anh họ phục tài, thường nói : « mỗi khi làm văn, chỉ đứng trước Huệ-Liên, là tìm ra câu hay ». Một hôm nghĩ

thơ, suốt ngày không có tứ, chợt mộng gặp Huệ-Liên được câu: « *Từ đường xuân thủy liễu* », khi tỉnh tìm thấy tứ thơ. (Liễu tri nghĩa đen là cây liễu ở bờ ao)

**Hoa tiên 花箋** : tờ giấy có vẽ hoa để viết thư hay đề thơ. Câu 145 và 146 ý nói : gặng họa vắn, đề lá hoa tiên trước mặt mà xem thi tứ ra sao.

**147. — Ngòi dao** : do chữ **dao bút 刀筆** Người đời xưa lấy dao làm bút để gạch vào thanh tre. Đây tức là ngòi bút.  
**Luật Đào 陶** : thơ ngũ ngôn. Đào tức là Đào Tiềm, một danh sĩ đời Tấn

**149. — Dao-tri 瑶池** : nơi thần tiên ở. Theo « tập tiên truyện », cung điện Tây-vương-mẫu, tại Quy-sơn (trong dãy núi Côn lôn) bên tả có Dao-tri, bên hữu có giòng nước Thủy-thủy. Nghĩa đen : dao-tri là ao ngọc.

**151. — Náu** : Nấp : Câu này nói bóng sự cô gái vừa thấy bóng người lạ, đã chạy nấp vào nhà.

**154. — Thày lay** : sỗ sàng, mua chuộc lấy việc không phải việc của mình. *Bài thơ họa này ý nói* : « Bức thư này là tự chốn tiên lại. Hoa vừa thấy gió sợ mà nấp. Nguyệt cố tìm hương nên muốn bay lại tìm. Mùi hương còn phảng phất tại trước đình, con bướm bay đến tìm hoa không thấy hoa nên hóa sỗ sàng. Chả trách chi mùa xuân chọn hoa mai. Đến thần tiên cũng chấp tay bái phục ».

**158. — Phó** : trao cho, ủy cho.

**Thi đồng 詩筒** : cái ống đựng thơ. Hoa-tiên có câu : Phàm đề biếng giở thi đồng.

**Chắt-chiu** : giữ-din, săn-sóc một cách yêu dấu.

**159. — Giật-diu** : qua lại.

**Trăng giật gió diu** : ý nói có cảm tình với nhau.

**160. — Đeo đẳng** : Bản B : « điều đứng »

**161. — Mải miệt**. Bản A : mải mết. Sai ý

**162. — Dập dờn** : chập chờn.

**Chạy vạy** : chơi vui, lễ loi.

Từ câu 159 ý nói : « vì si-tình nên mê mộng, chập chờn tự hỏi một mình, tưởng thấy người tới, chàng hóa ra chào hỏi bóng ».

VII. — DẠO BƯỚC TÌM NGƯỜI

- 165 Hiên đầu kéo rẽ hoa đào,  
Đánh liều cả quyết bước vào thử xem.  
Thướt tha tơ liễu buông rèm,  
Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.  
Nhụy xuân rước gió như cười,  
170 Chòm thanh, khóm dật, khác với chân-du.  
Có cây có đá lô-xô,  
Có lầu túc-diều, có hồ du-ngư.  
Trửa trời một cuộc tiên-cư,  
Đình-đài mấy tốp, đồ-thư mấy từ-ư.  
175 Hoa say, hạc ngủ, mơ chừng,  
Một rặng Bích-động, hai rặng Thanh-tiên.  
Một hiên Huy-phượng cheo-leo,  
Thấp đưa gió trúc, cao reo sóng tùng.

165. — Câu này ý nói: trên hiên nhà thoáng có người rẽ bức rèm thêu hoa đào.

167. — Kiêu có câu: Lơ-thơ tơ liễu buông màn. Hoa-tiên có câu: Phất phơ tơ liễu buông rèm.

168. — **Điệu**: dáng điệu.

**Dương** 揚 cây dương, cành cứng, chọc lên. Cây liễu cành mềm, rủ xuống. Hai cây là hai giống thuộc một loài.

170. — **Chòm**, **khóm** là nói về cây cối.

**Thanh** 清 nghĩa đen là trong trẻo không đục, không bợn. Đây là thanh nhã vắng vẻ.

**Dật** 逸 là ẩn kín. Cũng có ý vắng vẻ.

**Chân-du** 真遊: chốn chơi có thực ở chỗ trần tục.

171. — **Lô-xô**: nhiều và không đều Bản B: xô-bồ nghĩa là hỗn-tạp.

Kiều có câu: Có cây có đá sẵn sàng.

172. — **Túc điều** 宿鳥: chim đậu.

- Du ngư 游魚 : Cá bơi lội.
173. — Trưa trời : giữa trời.  
Tiên cư 仙居 : chỗ tiên ở.
174. — Đình đài 亭臺 : Đình là cái nhà nhỏ. Đài là cái nhà cao có thể đứng trông xa được.  
Tóp : nhóm. Các bản đều viết **tháp**, nhưng không đúng từ. Đây là lấy ý và âm mà đoán.  
Đồ thư 圖書 các bức vẽ, bức địa đồ và sách vở. Đây chỉ chỗ để sách vở.
176. — Bích động 碧洞 Động biếc.  
Thanh tiêu 霄霄 : Mây xanh, trời xanh. Bích động, thanh tiêu là chốn tiên.
177. — Huy phượng 揮鳳 : xua chim phượng. Tên đặt cho đẹp như người ta thường nói : gác « nghinh phong », lầu « đái nguyệt »...
178. — Sóng tùng 松 : Tiếng gió thổi vào lá tùng reo như tiếng sóng.

Hai câu 177-178 này tả rất gọn và rất khéo. Nên lưu ý đến cách đặt hai chữ **Tháp** và **Cao** lên trước, như trong Kiều có câu : « Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa », chữ **trắng** cũng đặt lên trên.

### VIII. — TRAO THƯ CHO HOÀN

- 180      Tiểu-hoàn lẩn bóng hiên-trung,  
Vén cảnh biếc, hái hoa hồng trước lang.  
Bóng người chợt thấy dung-quang,  
Lanh-chanh bước tới sô-sàng hỏi ngay :  
    « Người đầu quan khách đầu đây ?  
Lạ lùng xông-xáo chốn này là sao ! »
- 185      Nủ rằng : « Chớ đồ nhau nao,  
Qua đình Mai, thấy thơ nào bỏ rơi.  
Tài này Lý Đỗ một hai,  
Xuân in cỏ liêu, tuyết tươi nét tui ».

- Nhời đầu thần khế, đạo đồng,  
 190 Hạnh-đường bao ná, nhủ cùng được hay! »  
 Hoàn rằng: « Mơ mẩn ngàn thay! »  
 Vội vàng giật lấy tiên mây trở vào.  
 Tuyệt mù nào thấy đầu nào,  
 Cảnh bay phấn điệp, hoa xào cánh thơm.  
 195 Mảnh riêng càng nát như tươm,  
 Càng ngơ ngẩn bóng, càng nâm-nỉ tình.  
 Chắc chi con trẻ đành-hanh,  
 Tin sương có lọt trước mảnh cho chằng.  
 Tác gang cách mấy mươi từng,  
 200 Không dung hầu dễ gió Đẳng cợt ai.  
 Chớ rằng lá thắm giòng khơi  
 Một thơ kéo được tơ trời mà hay!  
 Kiếp xưa cũng thế nào đây,  
 Họa-hoản chằng chằng là tay vuòng tròn.  
 205 Mảnh tiên tạc lấy sắt son,  
 Tác lòng đem hỏi, nước non mượn bàn.

179. — Tiểu hoàn 小鬟: con hầu.

Hiền trung 軒中: trong hiên. (Hiên là mái hè, nghĩa rộng là cái nhà nhỏ)

180. — Lang 廊: chái nhà, thềm nhà.

Cành biếc: bản A: « cành gấm »

181. — Dung-quang 容光: vẻ mặt sáng sủa. Ở đây chỉ có nghĩa là vẻ mặt.

182. — Lanh chanh: láu-táu, hấp-tấp.

Sỗ-sàng. Bản B: trẽ-tràng. Có lẽ tiếng cổ; nay đã biến ra sỗ-sàng,

184. — Xông-xáo: đi càn vào.

185. — Nhủ: bảo.

Đồ: gán cho những điều bày bạ.

187. — Lý, Đỗ : Lý Thái-bạch 李太白, Đỗ Phủ 杜甫 : hai thi-sĩ nổi tiếng nhất trong thời kỳ Thịnh-Đường.
188. — Cảo 稿 : văn chương mới viết ra. Câu này ý nói văn tươi đẹp như liễu mùa xuân, chữ viết cứng-cáp như cây thông trong tuyết.
189. — Thần khế 神契 : tinh thần hợp với nhau  
Đạo đồng 道同 : cùng một đạo, cùng chung ý tưởng với nhau
190. — Hạnh đường 杏堂 : trở bà chủ.  
Bao ná : thế nào.
191. — Hoàn rắng : bản A chép « Hoàn nghe », là sai từ.  
Hoa-tiên có câu : Nguyệt rắng : « mê mẩn xinh thay! ».
192. — Tiên mây : tờ giấy có vẽ hình mây. Kiều có câu : Chiếc hoa với bức tờ mây.
194. — Phấn điệp 粉蝶 một loài bướm.  
Hoa xào : nói lướt đung vào hoa nghe có tiếng xào-xạc. Câu này tả một cách rất hay cảnh người con gái, có lẽ là tiên, rẽ hoa mà biến mất.
195. — Mạnh riêng : lòng,  
Tương : rách nát lắm.
196. — Trong ba câu 194-196, có bản C chữa chữ *thơm* ra *loan*, chữ *tương* ra *dần* và chữ *nằm-nỉ* ra *nầu nỉ*.
197. — Con trẻ : Tạo hóa, trẻ Tạo.  
Đành hanh : đáo đẽ, cay nghiệt.
198. — Tin sương : tin báo cho biết trước. Do chữ sương tin 霜信 : khi trời sắp có sương thì có tin báo trước; tỷ dụ như chim nhận ở bên bắc bay lại, ai ai cũng biết sắp có sương mù Kiều có câu : Tin sương luống những rày mong mai chờ.
199. — Kiều có câu : Tấc gang đồng tỏa nguyên phong.
200. — Gió Đẳng : gió đưa tới gác vua Đẳng, ý nói vận may thì gió đưa tới đó. Xem lời chú thích câu 44  
Kiều có câu : Duyên Đẳng thuận nẻo gió đưa.

Hai Câu 199-200 ý nói : Ta với giai-nhân tuy gần nhau, chỉ cách nhau rất ít, mà chính thực ra lại xa cách nhau rất nhiều. Song không có lẽ sự may mắn xui khiến ta tới đây lại chỉ là để trên cột ta mà thôi.

201. — Lá thắm giòng khơi: Đời Đường Hi-tông. Vu Hựu bắt được một cái lá đỏ trong giòng nước từ cung vua trôi ra. Vu Hựu bèn đề một bài vào cái lá ấy, đem thả ở đầu giòng thì nó lại trôi trở vào; cung nhân Hàn thị bắt được. Về sau vua thả 3.000 cung nữ ra, Vu Hựu lấy được Hàn thị, mới biết rằng những bài thơ ở cái lá đỏ ngày trước là thơ của Hàn thị.

Kiều có câu: Cạn giòng lá thắm, dứt đường chim xanh.

204. — Họa-hoãn: họa may;  
Tay vuông tròn: trời đất.

205. — Mảnh tiên: mảnh giấy viết thư.

### IX. — MỜI VÀO HẦU CHUYỆN

Bàn mề những ngóng tin nhân,  
Nhớ như sực thấy bóng Hoàn tận nơi.

Tăn-măn nói nói cười cười,

210 Rằng vâng nghiêm-lệnh rước người về sanh.

Cảnh-tinh một bước một thanh,

Tắt chùng thư-các, dạo quanh trì-đường.

Ngoài sanh giá lục xây vàng,

Bình đan xuân vẽ, dài gương bóng lồng.

215 Trong sanh mở cánh phù-dung,

Mắt trần luống những lạnh-lùng vẽ Ngân.

Ý trên thấy một phu-nhân,

Bước vào tự lễ phân tân trước tòa.

Day rằng: « Quê phúc gần xa?

220 Ấy ai thóc-mách nên mà biết đây? »

Dứt lời rên rên thưa bày:

« Khi xưa dòng-dõi, khi nay phong-trần,

Mảng vui nước trí non nhân,

Đặng làm trót hẹn với xuân một lời.

- 225 Cho nên liêu nẻo lạc vời,  
Phúc-giang, Phượng-lĩnh là nơi quê nhà.  
Thầy-lay vàng chịu trót đà,  
May nào lượng bể bao-la muôn nhờ.»
207. — Bàn mê : bàn hoàn, bồi hồi.  
Hoa tiên : Rèm tương khách hãy mơ màng bàn mê.  
Ngóng. Bản A, C chép thẹn. Bản B chép qui nghĩa là thẹn.  
Nhưng chắc nguyên văn là chữ **ngung** đọc ngóng, tự dạng gần như chữ qui.
208. — Tận. Các bản đều viết **tiện**. Đó là tiếng cổ, nay biến ra tận.
209. — Tản mản : trở bộ nhỏ bé.
210. — Nghiêm-lệnh : lệnh chủ 嚴令  
Sanh : nhà ở của một vị quan, hoặc công đường.
211. — Cảnh tình 景情 : cảnh là hình và sắc của mọi vật bày ra trước mặt. Tình là cảm giác gây ra bởi cảnh ấy.
212. — Thư các 書閣 : gác đề sách.  
Trì đường 池塘 : ao.
213. — Giá lục 祭綠 : giàn hoa lá màu xanh.
214. — Bình đan 屏丹 : bình phong màu đỏ.
215. — Cánh phù-dung 芙蓉 : cánh cửa.
216. — Vẻ ngân 銀 : vẻ sông Ngân hà, vẻ tiên.
217. — Ý倚 : dựa vào, hoặc ý : 椅 là cái ghế ngồi.
218. — Tự lễ phân tân 叙禮分賓 : tự là bày, lễ là lễ.  
Bày đặt lễ phép chia khách và chủ đề ngồi nói chuyện.  
Hoa-tiên có câu : Rước mừng tự lễ chủ tân.
219. — Quê phúc : quê quán. Tiếng nói lịch-sự.
220. — Thóc mách : mách lẻo.
221. — Hoa-tiên có câu : dứt lời khúm-núm trình thưa.
222. — Dòng dõi : con nhà từng đã nổi tiếng vì học giỏi, có nhiều người thi đỗ cao và làm quan to  
Phong trần 風塵 : gió và bụi, - Tình-cảnh gian-nan vất vả, nay đây mai đó. Gâu 222 này tả đúng cảnh ngộ tác giả.
223. — Nước trí non nhân : nước và non. Dùng chữ trí nhân để tỏ mình là kẻ sĩ. Trong sách Luận-ngữ có câu : « Nhân

giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy : 仁者樂山, 智者樂水 » : người có lòng nhân thích chơi núi, người trí tuệ thích chơi nước.

224. — **Đăng lâm** 登臨 : đăng là lên núi, lâm là tới nước. Hai chữ này ăn với hai chữ nước non ở trên.

225. — **Liều nẻo** : đi liều.

226. — **Phúc-giang** 福江 : tên sông con chảy qua xã Lai-thạch. **Phượng-linh** 鳳嶺 : tên núi, cũng có tên là Nhạc-sạc tên sông núi ở gần làng Trường-lưu.

227. — **Thầy lay** : sỗ-sàng, xem lời chú thích câu 154.

Đề ý đến cách đặt chữ đảo ngược trong 2 câu 227-228.

## X. — KHUYÊN LẬP CÔNG DANH

- Nghe thôi lẳng lẳng trót giờ,  
 230 Ngọc khoan khoan mới xa đưa dịu-dàng :  
 « Rằng gia-quân với nghiêm-đường,  
 Chữ luân xưa cũng mối-giường một hai.  
 Điện Thương cùng nếm vạc mai,  
 Cũng trong Y-Phó, cũng ngoài Tôn-Ngô.  
 235 Nấy sương vện bước vân-cù,  
 Dẫn nhàn riêng chiếm thú hồ-sơn đây.  
 Cơ trời dẫu bề vắn xây,  
 Trần-kiều biết mặt Chu này là ai.  
 Lửa binh rấp thừa chông gai.  
 240 Áo xiêm đổi thói, cân đai đau lòng.  
 Nặng nguyên hư thích dữ đồng,  
 Theo châu Liệt-thánh năm vòng mười dư,  
 Bận-bùng còn chút ngậy-thơ,  
 Điền-viên quen lấy cầm thư đỡ phiền.  
 245 Dù chẳng cảnh bụi làng tiên,  
 Với trần nghĩ đã khơi miền nước mây.

- Tiền nhân túc trái sao đây,  
 Không dung người biết chốn này là đâu.  
 Mới rồi dạo tới thư-lâu,  
 250 Nhẹ-nhàng vừa thấy con hầu nói qua.  
 Khách nào lả-lướt yên-hà,  
 Một mình thơ-thần dò-la hạnh đường.  
 Lại đưa hai bức thi-chương,  
 Khác chiều nên bảo đón chàng vào chơi...  
 255 Lời quê trẻ nó rông-dài,  
 Thêm hoa may lại gặp tài văn-nhân.  
 Xem trong xướng-họa mấy vần,  
 Lấy mai mà vẽ lòng xuân cần-quyền.  
 Hay đâu là nợ là duyên,  
 260 Là thân trước trẻ là nguyên xưa người.  
 Khen cho cầm tú sắc tài,  
 Lạ cho con Tạo lựa người ghê thay!  
 Kiếp trần dây-dương đường này,  
 Lửa-hương chờ đợi đến tay anh-hùng.  
 265 Ấy nhân duyên, ấy tao phùng,  
 Dầu đầu sắc sắc không không, nghĩ gì.  
 Lọ là nhận cá đi về,  
 Lừa đòi chằng lại một kỳ tái lai.  
 Nền thi-lễ gắng dùi-mài,  
 270 Tiếng khôi đừng thẹn với mai mới hào!  
 Duyên lành hẳn đợi giá cao,  
 Đất bằng sấm đã, thơ đào lại ca.  
 Xe duyên đành có trắng già,  
 Mặc dù nhân-quả chớ ra quan-hoài.  
 275 Hồn mai còn nhớ đình Mai,  
 Cảnh quen hẳn chằng lạ người quen đâu.  
 Còn non còn nước còn lâu,  
 Còn câu thơ ấy là câu sấm rồi.»

229. — Hoa-tiên có câu : Nghe thôi lẳng lẳng đòi thôi.

230. — Ngọc : tiếng quý như ngọc.

231. — Gia quân 家君 : chồng. Bản A chép làm ra gia-tiên, từ là cha.

Nghiêm đường 嚴堂 : cha.

232. — Luân 倫 : lẽ. thứ bậc. Đây tức là luân-thường tức là lẽ phải. phép chính loài người thường nên theo.

Mỗi giường : nghĩa đen : mỗi là cái gì xe hợp lại làm một, tỷ dụ như : « giang sơn thu về một mối ». Giường là giây cái trong cái lưới. Nghĩa bóng : mỗi giường là những nguyên tắc của luân-lý xã-hội.

Ý hai câu 231-232 này là : cha và chồng đều giữ đạo luân-thường.

233. — Điện Thương 殿商 : Điện là đền vua ngự. Thương là tên một triều đại thuộc về đời Tam-đại (Hạ-Thương-Chu) trong lịch sử Cổ Trung-Hoa. Vua sáng nghiệp là Thành-Thang, vua cuối cùng là Trụ - (1783-1135 trước Jésus Christ). Ở đây điện Thương tức là triều đình nhà Hậu Lê.

Vạc mai : do chữ mai hoạch 梅 饌 : hoạch là cái vạc nấu đồ ăn. Mai hoạch là vạc nấu canh mợ. Trong kinh Thư có câu : « Nhược tác hòa canh, nhữ vi diêm mai » (người làm mợ muối để nấu canh). Ấy là lời vua Cao-Tôn nhà Thương nói khi cử Phó-Duyệt làm tể tướng, có ý bảo rằng việc nước không có ông Phó-Duyệt không được cũng như nấu canh không thể thiếu mợ muối (muối mặn, mợ chua). Trong bài thơ Lê Thánh-Tông vịnh Lê Khôi cũng có 2 câu : « Tể tướng bấp tạn mai lạnh vạc — Tướng quân doanh vắng liêu chau mày ». Câu 233 ý nói : Cùng giữ chức khanh tướng.

234. — Y : tức là Y-Doãn 伊尹, cây ruộng ở đất Hữu-sân, vua Thang ba lần mời mới chịu ra giúp, dựng nên cơ nghiệp nhà Thương

Phó : tức là Phó Duyệt 傅說 ; một người bề tôi rất giỏi và hiền. giúp vua Cao-Tôn (Võ-Đình) nhà Thương Hai chữ Y, Phó thường dùng để trở bày tôi giỏi.

Tôn 孫 : tức là Tôn Tân 贛 : người nước Tề, đời Chiến-quốc, dòng-dõi Tôn Vũ ; cùng với Bàng Quyên cùng học

binh pháp và là học trò Quý-Cốc tử Sau Bàng Quyên làm tướng Ngụy, ghen tài Tôn Tần, lập kế hãm hại, chặt chân Tần. Vua Tề Uy-vương bày mưu đón Tần về thờ làm thầy Tần dùng mẹo « rút bép », đánh lừa Bàng Quyên, và giết được Quyên, từ đấy nổi danh.

**Ngô** : tức là **Ngô Khởi** 吳起, người nước Vệ đời Chiến quốc, học trò Tăng tử, rất giỏi việc dùng binh.

Hai chữ Tôn. Ngô dùng để trở tướng giỏi có nhiều mưu lược Mệ tác-giả cũng đúng vào trường hợp trên. Cha bà là Nguyễn Khản và chồng bà là Nguyễn Huy-Tự đều lập quân-công to khi đánh Hoàng văn-Đồng ở Hà giang.

235. — **Nấy sương** : bấy nhiêu năm.

**Vân cù** 雲衢 : đường mây, đường làm quan.

236. — **Dẫn nhàn** : Cầu lấy nhàn về nghỉ.

**Hồ sơn** : 湖山 Hồ là cái hồ, sơn là núi.

Hai câu 235-236 ý nói : Bấy nhiêu năm làm quan đến tột bực, cáo quan về nghỉ và ở riêng chỗ ẩn dật này.

237. — **Kiều có câu** : Cơ trời dẫu bề đa đoan.

238. — **Trần kiều** 陳橋 : tên đất, ở Đông-bắc huyện Khai-Phong, tại Hà-nam, là nơi các tướng sĩ tôn Triệu Khuông-Dận lên làm vua, tức là Tống Thái-Tổ, dựng nên cơ nghiệp nhà Tống thay nhà Hậu Chu.

**Chu** : là vua Chu Cung-đế bị Khuông Dẫn bỏ, mà tự lập làm vua ở Trần kiều.

Câu 238 này ý nói : vua Tống cướp ngôi nhà Hậu Chu, các cựu thần nhà Chu nhiều người không chịu bái. — Trong hai câu 237-238, tác giả ngụ-ý rằng : vận nước đổi thay, nhà Lê mất, nhà Tây-sơn lên, các cựu không chịu khuất phục, đều uất-ức mà chết. Nguyễn Khản chết ở Thăng-Long năm Nguyễn Huệ lấy kinh đô (1786) và Nguyễn Huy-Tự chết ở Phú-xuân, khi Tây-sơn triều vào (1790).

239. — **Rấp** : vận rủi.

Kiều có câu : Rấp nhà đến nỗi dẫn vào tội người.

240. — **Câu này ý nói** : Thấy các cựu thần theo triều mới, những bậc can đai lấy làm đau lòng.

**Cân** 𠄎 : cái mạng đan bằng sợi cước hay bằng sợi tóc, bịt ngang trán để đội mũ.

**Đai 帶** : đai là cái vòng đeo ngang lưng.

Cân đai đều thuộc về đồ phẩm phục của các quan.

**241.** — **Hưu thích dữ đồng 休戚與同** khi vui mừng và khi lo lắng cùng với nhau. Câu này ý nói : đã trót nặng lời nguyện với vua vui buồn cùng nhau.

**242.** — **Liệt thánh 列聖** : các vua đời trước của triều vua đương trị vì. Đây tức là các vua nhà Hậu Lê đã chết đi rồi.

Câu này ý nói : Đã mất theo các vua hơn mười năm.

Từ câu 231 đến 242, tác giả đã đặt tình-cảnh của chính mẹ mình vào cho bà phu-nhân : Chồng bà phu nhân, cụ Nguyễn Huy-Tự, cha bà, cụ Nguyễn Khả, đều là bực đại thần triều Hậu Lê. Vì loạn lạc nên đã từ quan về ở quê nhà. Tuy là cụ Nguyễn Huy-Tự bị Tây-sơn ép ra nhưng cũng mất liền (1790), còn cụ Nguyễn Khả, lúc nghe quân Nguyễn Huệ kéo ra Bắc, lập tức ra Thăng-Long nhưng bị bệnh rồi mất (1786).

**243.** — **Bận bùng** : vương-viú. mắc-miu.

**244.** — **Điền viên 田園** : ruộng và vườn. Bản A : điền-thôn, là nhà quê.

**Cầm thư 琴書** : đàn và sách. Bản B : cầm thơ.

Hai câu 245-246 ý nói : tuy chẳng phải chốn tiên nhưng cũng đã xa tục.

**246.** — **Khơi** : xa. Bản B diễn, là tiếng cồ nghĩa là xa. Có lẽ đúng nguyên-văn.

**247.** — Bản C. **Tiền-duyên** tức trái chi đây. **Tiền nhân 前姻** : duyên trước

**Túc trái 夙債** : nợ mang sẵn từ kiếp trước.

**249.** — **Thư lâu 書樓** : lầu sách.

**Đạo-tớ**. Bản B. vừa đạo có lẽ không đúng, vì đã có chữ vừa ở câu dưới.

**251.** — **Lả lướt yên hà** : xông pha khói ráng. Về chữ yên hà xem lời chú thích câu 27.

**252.** — **Hạnh đường 杏堂** : xem lời chú thích câu 190.

**253.** — **Thi chương 詩章** : trở hai bài thơ vịnh Mai và họa nguyên vận. Bản B : thư chương.

**254.** — **Khác chiều** : vẽ khác thường.

**255.** — **Hoa tiên có câu** : Trẻ nhà võ vẽ đề chơi.

**Kiểu có câu** : Lời quê chấp nhặt rộng-dài.

256. — Văn nhân 文人 : người có học biết thơ văn.  
 Hoa-tiên có câu : Hoa tươi thêm vẻ là nhờ bút tươi.
257. — Xướng họa 唱和 : đối đáp bằng thơ, một bên khởi lên làm ra trước, một bên đúng vần làm theo sau.
258. — Lòng xuân : tình.  
 Cần-quyền : khăn-khoản, ân-cần về một việc.
261. — Cẩm tú sắc tài 錦繡色才 : cẩm là gấm, tú là thêu. Sắc và tài đẹp như gấm dệt hoa thêu.
262. — Lựa người : chọn người. Lựa nghĩa là phân tách ra từng loại mà chọn.
263. — Dây dướng : vương vít lôi thôi không dứt.
264. — Lửa hương : lửa và hương. Nói về tình nghĩa nồng nàn của vợ chồng.  
 Anh hùng 英雄 : bậc tài giỏi và có chí to hơn người.
265. — Nhân duyên 因緣 : cái gốc và cái phần phụ giúp vào hợp lại mà sinh ra quả. Thường dùng để trở cái mối manh bởi đó mà kết duyên làm vợ chồng.  
 Tao phùng 遭逢 : cũng như tế ngộ, tao-ngộ ; xem lời chú thích câu 5.  
 Hai câu 265-266 ý nói : ấy là tiền-định, dầu đâu có có không không gì cũng đừng nghĩ, đừng lo.
267. — Không cần có tin đi tin về.
268. — Chẳng lại : thế nào chẳng có.  
 Tái lai 再來 : lại trở lại lần nữa.
269. — Thi lễ 詩禮 : Thi là kinh Thi. Lễ là kinh Lễ. Thi lễ là nói chung những sách vở của thánh hiền đời xưa.  
 Hoa-tiên có câu : Nền thi lễ nếp cần đai.
270. — Tiếng Khôi 魁 : khôi là đầu. Người thi đỗ đầu gọi là khôi giáp hay là khôi nguyên. Hoa mai vì đẹp và nở trước trong các hoa nên cũng gọi là hoa-khôi. Câu này đặt thực mận mà có ý nói nên cố thi đỗ đầu để xứng đáng với cô gái Mai-đình, đẹp như hoa Mai đứng đầu trăm hoa.  
 Mới hào 豪 : mới giỏi. Hào là có tài trí lớn hơn người.
271. — Duyên lành : duyên tốt.
272. — Đất bằng sấm đã : Đất bằng nổi sấm là trở sự thi đậu. Bản A, C : Sấm bằng dấy đã. Có lẽ đó là nguyên văn, nhưng tối nghĩa.

Thơ Đào lại ca : Thơ « đào yêu » trở con gái về nhà chồng  
**Đào yêu 桃夫** : là đào non. Trong kinh Thi có bài thơ  
 nói con gái về nhà chồng gặp lúc đào non mới nở.

274. — **Quan hoài** : 關懷 : đề lòng đến, lo nghĩ.

Câu này ý nói : Đề mặc sự nhân quả định đoạt chứ đừng  
 lo nghĩ.

276. — **Cảnh quen**. Bản B : nước-non.

275 276-277 278. Bốn câu này cực hay. Riêng hai câu  
 275 276 đặt thực rất mực tài tình.

### XI. — TỈNH DÂY TAY KHÔNG

Đương khi từ tạ khúc-nhôi,  
 280 Giang-thôn đầu động tiếng còi mục-nhi.  
 Trong thuyền sự tỉnh đòi khi,  
 Tác riêng đồn-dã khôn suy tin ngờ.  
 Nào đình nào khách nào thơ,  
 Bấy giờ hồ-điệp, bấy giờ Trang sinh.  
 285 Cũng trong hai chữ chung tình,  
 Sao người thường bấy, mà mình quái thay !  
 Tài tình xem lại xưa nay,  
 Kiếp người may với chẳng may cũng nhiều.  
 Cuộc đời mây nổi nước triều,  
 290 Tình bao nhiêu, nợ bấy nhiêu, hay gì.  
 Lấy điều mộng-ảo mà suy,  
 Một thi là giác, hai thi là mê.  
 Mê chẳng một lúc đi về,  
 Giác thi duyên ấy còn ghê sau này.  
 295 Thấy đây còn biết từ đây,  
 Bao giờ sao nữa lại hay bấy giờ  
 Hoàn thiên tầu bút một thơ,  
 Quê đầu chữa đó là nhờ tao nhân.

279. — Từ tạ 辭謝 : chối không nhận và tạ ơn.  
Lời chào nhún nhường lễ phép đề ra về.  
Khúc nôi : nỗi niềm tâm sự.
280. — Giang thôn 江村 : xóm ở bên bờ sông.  
Mục nhi 牧兒 : Trẻ con chăn trâu bò.
282. — Tác riêng : lòng.  
Dồn-dã : thồn thức.
284. — Hồ điệp 蝴蝶 : con bướm bướm.  
Trang sinh 莊生 : Trang Chu, tác giả bộ Nam-hoa kinh.  
Bảy giờ hồ điệp : bảy giờ mộng. Bảy giờ Trang sinh : bảy giờ tỉnh. Do điển Trang-tử nằm mơ hóa bướm, ở cuối thiên « Tề vật » trong Nam-hoa kinh : Trang-tử nằm mơ thấy mình hóa ra con bướm, lượn đi lượn lại rất là thỏa thích, tới khi tỉnh dậy, bàn hoàn không biết ban nãy mình mơ hóa bướm, hay bây giờ bướm đang mơ hóa ra mình.
265. — Chung tình : xem lời chú thích ở câu 6.
287. — Tài tình 才情 : Tài là cái giỏi của người ta. Tài tình là tài giỏi và phong tình.
291. — Mộng ảo 夢幻 : mộng là những cái người ta thấy trong khi ngủ. Ảo là : vốn giả mà giống thực.  
Mộng ảo là mơ màng hão huyền không thực.  
Kiều : có câu : Lấy trong mộng triệu mà suy.
292. — Giác 覺 : tỉnh.  
Mê 迷 : mờ ám mất tri khôn, lầm lẫn, trái với tỉnh.
297. — Hoàn thiên 完篇 : xong bài, trọn bài thơ hay bài văn  
Tẩu bút 走筆 : viết nhanh chóng.
298. — Tao nhân 騷人 : người văn hay.  
Bản A : « văn nhân »



# NHÀ XUẤT BẢN SÔNG-NHỊ

GIÁM-ĐỐC : BÀ NGUYỄN THỊ QUYÊN

Số 102, Phố Hàng Bông Hà-nội

PHÁT HÀNH SÁCH BÁO  
BÁN SÁCH VỎ, ĐỒ DÙNG NHÀ TRƯỜNG VÀ PHÒNG GIẤY  
XUẤT-BẢN NHỮNG SÁCH CÓ GIÁ-TRỊ :

## SÁCH ĐÃ IN :

### LOẠI SÁCH XÂY DỰNG

**LÝ THƯỜNG-KIỆT** của HOÀNG XUÂN-HÃN

*Trọn bộ 2 quyển : 28 đ, 48 đ.*

### LOẠI VĂN-CỔ

(1) **ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN-CA** của LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOẠI, tựa và dẫn của HOÀNG XUÂN-HÃN

*Trọn bộ 2 quyển : 12 đ, 16 đ.*

**HÀ-THÀNH THẤT-THỦ VÀ HOÀNG DIỆU**, dẫn và chú-thích của HOÀNG XUÂN-HÃN. *Giá 10 đ.*

### LOẠI SÁCH HỌC

(2) **VIỆT-LUẬN** của NGHIÊM TOẢN, tái-bản lần thứ hai

*Trọn bộ 3 tập : 8 đ, 9 đ, 10 đ.*

(3) **THỰC-VẬT-HỌC** của NGUYỄN GIA-TƯỜNG (2 tập : 12 đ, 16 đ)

**KINH-TẾ-HỌC PHỒ-THÔNG** của VŨ VĂN-HIỀN *Giá 10 đ.*

(4) **TOÁN-HỌC THỰC-HÀNH** của NGUYỄN DƯƠNG-ĐÔN,

*Tập I : 15 đ, tập II : 21 đ.*

1, 2, 3, 4 : *Đã được duyệt-y làm sách giáo-khoa.*

**THI-VĂN VIỆT-NAM** (Trình-dộ Trung-học), HOÀNG XUÂN-

HÃN biên tập và trích dẫn. — NGHIÊM TOẢN chủ giải

*Giá 30 đ.*

**MAI-ĐÌNH MỘNG-KÝ** của NGUYỄN HUY-HỒ. HOÀNG XUÂN-HÃN

dẫn và hiệu-dinh, NGHIÊM TOẢN chủ-thích *Giá : 12 đ.*

## SÁCH ĐANG IN :

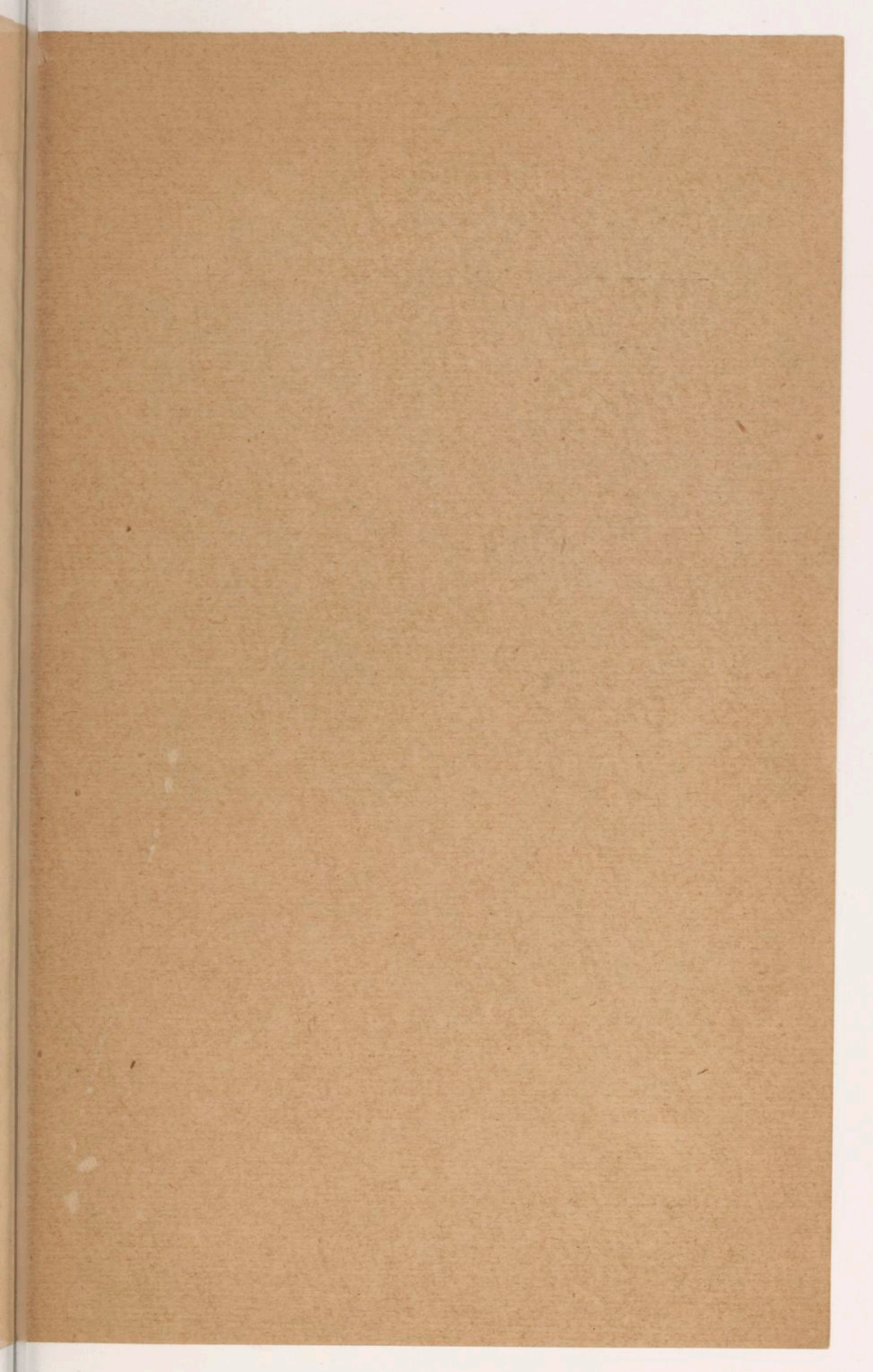
**TOÁN-HỌC THỰC-HÀNH** của NGUYỄN DƯƠNG-ĐÔN tập III

**THI-VĂN VIỆT-NAM** (Quyển II), HOÀNG XUÂN-HÃN trích  
dẫn — NGHIÊM TOẢN chủ thích.

CÁC ĐẠI-LÝ : NAM-MÈN : VINH - BẢO, 46<sup>bis</sup> Lagrandière, Saigon

HẢI-NGOẠI : LÊ-LỢI, 1<sup>ter</sup> Rue de la Huchette Paris (5<sup>e</sup>)

IN TẠI NHÀ IN XUÂN-THU  
89 PHỐ HÀNG ĐẼY, HÀ-NỘI  
XONG NGÀY 25 - 4 - 1951



# SÁCH HIỀU-BIỆT

VŨ-VĂN-HIỀN

*Giám-đốc bộ biên-tập*

## ĐÃ RA

Tiền vàng và tiền giấy	của VŨ VĂN-HIỀN
Việt-Nam văn-học-sử I, II	của NGHIÊM TOẢN
Hùn vốn lập hội	của NGUYỄN HUY-MÃN
Liên-hiệp-quốc	của BÙI TƯỜNG-CHIỀU
Tiếng nói của đồng ruộng ( <i>ca-dao</i> )	của NGUYỄN TRỌNG LỰC
Quốc-văn đời Tây-sơn	của HOÀNG THỨC TRÂM
Điện	của BÙI PHƯƠNG-CHI
Trần Hưng-Đạo	của HOÀNG THỨC TRÂM
Thiên-văn I, II	của NGUYỄN DƯƠNG-ĐÔN

NHÀ SÁCH VĨNH-BẢO

*46 bis, Lagrandière — Saigon*

# TỦ SÁCH VIỆT-NHI

NHÀ XUẤT-BẢN LÊ-LỢI

*1 ter, Rue de la Huchette — Paris (5<sup>e</sup>)*

## ĐÃ RA

Số 1 — Lòng Trẻ của HẢI-THU

## SẼ RA

Số 2 — Ô-li-vơ-tuyết của CH. DICKENS, dịch giả ĐÀO VĂN-TỰ

Số 3 — Ả-lý lạc vào xứ thần-tiên của LEWIS CARROLL,  
Dịch-giả ĐÀO VĂN-TỰ

TỔNG PHÁT-HÀNH SÁCH NHÀ LÊ LỢI

Sông-Nhị, 102 Hàng Bông — Hà-nội

K. D. số 366 — KD/S ngày 26 - 4 - 51

Giá bán : { Bắc-Việt 12 d.  
Các nơi 13 d.